BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
15-01-2026 16:52:00 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG
*
Số 16-QĐ/BCĐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
về việc phê duyệt Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;

- Căn cứ Quyết định số 185-QĐ/TW, ngày 01/10/2024 của Ban Bí thư thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ Quy chế số 01-QC/BCĐ, ngày 14/10/2024 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan đảng về Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo;

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

- Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

- Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024;

- Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-CP, ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

- Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

- Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP, ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg, ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu Quốc gia đến năm 2030;

- Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg, ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung (phiên bản 1.0).

- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng *(văn bản kèm theo)*.

Điều 2. Các cơ quan đảng ở Trung ương, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:
- Như Điều 2,
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng,
- Lưu Ban Chỉ đạo.

T/M BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trần Cẩm Tú

BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

KIẾN TRÚC DỮ LIỆU
PHIÊN BẢN 1.0 TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

(Kèm theo Quyết định số 16-QĐ/BCĐ, ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng)

Hà Nội, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

I. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI KIẾN TRÚC 4
1. Tầm nhìn 4
2. Mục tiêu 5
2.1 Mục tiêu tổng quát 5
2.2 Mục tiêu cụ thể 5
3. Phạm vi áp dụng 6
II. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU 6
1. Nguyên tắc kiến trúc 6
2. Yêu cầu 7
III. XÂY DỰNG KIẾN TRÚC DỮ LIỆU 7
1. Kiến trúc dữ liệu hiện tại 7
a) Phân tích hiện trạng 7
b) Đánh giá chung 8
2. Kiến trúc dữ liệu mục tiêu 9
2.1. Sơ đồ kiến trúc dữ liệu cho các cơ quan Đảng 9
2.2. Mô hình kiến trúc logic các cơ sở dữ liệu 10
2.2.1. Mô hình dữ liệu tham chiếu 10
i) Dữ liệu chủ 11
ii) Dữ liệu danh mục dùng chung 11
iii) Dữ liệu giao dịch và nghiệp vụ chuyên ngành 11
iv) Dữ liệu tích hợp từ các hệ thống dữ liệu dùng chung quốc gia 12
v) Dữ liệu tổng hợp và phân tích 12
vi) Dữ liệu mở 13
vii) Siêu dữ liệu 13
2.2.2. Mô hình dữ liệu mức khái niệm 14
2.3. Mô hình logic luồng dữ liệu 16
2.3.1 Mô hình tích hợp, chia sẻ và điều phối dữ liệu 16
2.3.2. Sơ đồ luồng dữ liệu 18
2.4. Mô hình nền tảng dữ liệu 21
2.4.1. Lớp Nguồn & tích hợp dữ liệu: 21
2.4.2. Lớp Nền tảng dữ liệu trung tâm (Data Lakehouse): 21
2.4.2. Lớp Quản trị & phát triển dữ liệu 22
2.4.3. Lớp Khai thác & ứng dụng dữ liệu 23
3. Kiến trúc an toàn dữ liệu 8 lớp 23
3.1. Lớp An ninh vật lý và môi trường 24

3.2. Lớp An ninh mạng 25
3.3. Lớp An ninh hạ tầng và nền tảng 26
3.4. Lớp An ninh ứng dụng 26
3.5. Lớp An ninh dữ liệu 27
3.6. Lớp Quản lý định danh và truy cập 28
3.7. Lớp Giám sát và vận hành an ninh 29
3.8. Lớp Quản trị rủi ro và tuân thủ 30
IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 30
V. KINH PHÍ THỰC HIỆN 31
VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 31
PHỤ LỤC 1 32
PHỤ LỤC 2 33
PHỤ LỤC 3 43
PHỤ LỤC 4 49

I. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI KIẾN TRÚC

1. Tầm nhìn

Đến năm 2030, toàn bộ hệ thống các cơ quan Đảng sẽ vận hành trên một nền tảng dữ liệu số thống nhất, an toàn, thông minh và có khả năng phân tích, dự báo cao. Tầm nhìn về kiến trúc dữ liệu cho các cơ quan Đảng được xây dựng phù hợp, hài hòa với tầm nhìn của Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia và Kiến trúc Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, hướng tới một không gian số quốc gia thống nhất.

- Dữ liệu trở thành nguồn lực cốt lõi cho công tác lãnh đạo và thúc đẩy ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI): Dữ liệu được quy hoạch và chuẩn hóa sẵn sàng cho AI, không chỉ phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp hàng ngày mà còn là đầu vào thiết yếu cho các hệ thống trợ lý ảo, các mô hình học máy giúp phân tích chiến lược, dự báo, mô hình hóa và đánh giá tác động chính sách, công tác tham mưu tổng hợp của các cơ quan đảng. Điều này giúp công tác hoạch định đường lối, chủ trương, đường lối của Đảng trở nên khoa học, chính xác và kịp thời.

- Hệ sinh thái dữ liệu của Đảng được kết nối liên thông, liền mạch: Hệ sinh thái dữ liệu của các cơ quan Đảng sẽ được tích hợp chặt chẽ với hệ sinh thái dữ liệu của Chính phủ và toàn xã hội. Thông qua các nền tảng chia sẻ dữ liệu quốc gia, dữ liệu sẽ lưu thông thông suốt giữa các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tạo thành một hệ sinh thái dữ liệu quốc gia thống nhất, phục vụ mục tiêu phát triển chung.

- Tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, Đảng viên được trao quyền truy cập, khai thác dữ liệu: Dựa trên môi trường làm việc số hiện đại, cán bộ, công chức, viên chức, Đảng viên từ Trung ương tới cơ sở có thể truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu một cách thuận tiện, an toàn trên mọi thiết bị, mọi lúc, mọi nơi, theo đúng phân cấp, phân quyền. Từ đó, nâng cao năng suất lao động, phát huy trí tuệ tập thể và đổi mới lề lối làm việc.

2. Mục tiêu

2.1 Mục tiêu tổng quát

Xây dựng bản thiết kế tổng thể về mô hình dữ liệu và sơ đồ luồng dữ liệu thống nhất, đồng bộ cho các cơ quan Đảng từ Trung ương đến cơ sở, làm cơ sở triển khai các hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn và quản trị nội bộ, đồng thời là căn cứ để thẩm định thiết kế đảm bảo phù hợp với kiến trúc đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Kiến trúc dữ liệu bảo đảm các nguyên tắc "một dữ liệu – một đầu mối" và liên thông xuyên suốt, giúp tích hợp, chia sẻ dữ liệu hiệu quả giữa các đơn vị, tối ưu hóa việc khai thác hạ tầng kỹ thuật một cách an toàn, hiệu quả, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và an ninh thông tin trong toàn hệ thống các cơ quan Đảng. Kiến trúc dữ liệu là căn cứ quan trọng để lập kế hoạch, thiết kế kỹ thuật cho các hệ thống thông tin và tạo môi trường thuận lợi cho việc trao đổi, sử dụng dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lúc, mọi nơi.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể về dữ liệu số đã được phê duyệt trong Quyết định số 204-QĐ/TW cho giai đoạn 2025-2030, gồm:

- Hoàn thành việc xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung, có khả năng lưu trữ toàn bộ dữ liệu của các cơ quan Đảng, cho phép truy cập và khai thác theo thẩm quyền.

- 100% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, tổ chức đảng, đảng viên phải được số hóa, tạo thành tập dữ liệu nền tảng, bảo đảm "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung".

- 100% công tác tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất (không bao gồm dữ liệu Tuyệt mật) trong các cơ quan Đảng được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số, tự động hóa tối đa việc thu thập và tổng hợp số liệu.

- 100% các yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu về kinh tế - xã hội và các lĩnh vực khác (không bao gồm dữ liệu Tuyệt mật) phục vụ công tác tham mưu, thẩm định được thực hiện thông qua việc khai thác các kho dữ liệu và công cụ phân tích trên môi trường số.

3. Phạm vi áp dụng

Toàn bộ dữ liệu phát sinh trong hoạt động của Đảng (Công tác văn phòng; Tổ chức - Xây dựng Đảng; Kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; Tuyên giáo và Dân vận; Nội chính; Chính sách, chiến lược), không bao gồm dữ liệu Tuyệt mật; dữ liệu tích hợp từ bên ngoài có liên quan (như dữ liệu dân cư, hành chính phục vụ công tác tổ chức cán bộ); và các hệ thống thông tin thuộc cơ quan Đảng từ Trung ương đến cơ sở.

II. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU

1. Nguyên tắc kiến trúc

Nhằm đảm bảo tính nhất quán, phù hợp chuẩn, Kiến trúc dữ liệu được xây dựng và vận hành dựa trên các nguyên tắc sau:

- **Tuân thủ khung kiến trúc quốc gia:** Kiến trúc dữ liệu cơ quan Đảng phải phù hợp Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (ban hành kèm Quyết định 3090/QĐ-BKHCN), đảm bảo sử dụng các tiêu chuẩn chung về mô hình dữ liệu, an toàn thông tin,...

- **Phù hợp với kiến trúc tổng thể của Đảng:** Kiến trúc dữ liệu là một phần của Kiến trúc Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, phiên bản 3.0, do đó phải thống nhất với kiến trúc nghiệp vụ, ứng dụng, công nghệ và an toàn thông tin đã được Ban Bí thư phê duyệt. Mọi thay đổi về dữ liệu phải được xem xét tác động tới các kiến trúc thành phần khác (và ngược lại).

- **Tập trung và dùng chung:** Dữ liệu được quản lý theo hướng tập trung tối đa. Các dữ liệu dùng chung quan trọng (danh mục dùng chung, dữ liệu chủ...) phải quản lý tập trung một nơi và phục vụ cho nhiều hệ thống.

- **Dữ liệu là tài sản chiến lược:** Dữ liệu là tài sản chiến lược cốt lõi, nền tảng cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hoạch định chính sách. Dữ liệu được quản lý, đầu tư, bảo vệ và khai thác dữ liệu tương xứng với giá trị chiến lược, thúc đẩy văn hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- **Bảo đảm chất lượng dữ liệu là trách nhiệm của tất cả mọi người:** Chất lượng dữ liệu (chính xác, đầy đủ, nhất quán, kịp thời, hợp lệ) là nền tảng khai thác

hiệu quả dữ liệu, phải được đảm bảo bởi tất cả các cá nhân, đơn vị tham gia trong suốt vòng đời của dữ liệu.

2. Yêu cầu

Kiến trúc dữ liệu cần đáp ứng các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật, an toàn bao gồm:

- **Kiến trúc hướng dịch vụ và ưu tiên API (API-First & Service-Oriented):** Các ứng dụng không được truy cập trực tiếp vào CSDL mà phải thông qua các giao diện lập trình ứng dụng (API) được chuẩn hóa và có quản lý. Thiết kế này đảm bảo tính an toàn, khả năng kiểm soát và sự linh hoạt khi các ứng dụng thay đổi.

- **Phân quyền và phân lớp:** Kiến trúc cần hỗ trợ mô hình phân quyền hợp lý trong quản lý và tạo lập dữ liệu, cho phép một số dữ liệu dùng chung được tạo lập phân tán tại các đơn vị (theo mô hình phân quyền) nhưng vẫn hợp nhất về trung tâm. Đồng thời phân lớp dữ liệu thành dữ liệu dùng chung, dùng riêng... để xác định rõ mức độ chia sẻ và bảo mật.

- **An toàn và tuân thủ:** Dữ liệu phải được bảo vệ nhiều lớp, tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, tuân thủ quy định về quản lý, quản trị dữ liệu của Đảng. Mọi truy cập, sử dụng dữ liệu đều được kiểm soát, ghi vết để sẵn sàng thanh tra, kiểm tra. Áp dụng nguyên tắc bảo vệ quyền riêng tư ngay từ thiết kế (privacy by design) đối với dữ liệu cá nhân. Kiến trúc phải hỗ trợ tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế (ISO 27001, GDPR...), tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14423:2025 về An ninh mạng trong phạm vi cho phép, cũng như đảm bảo an toàn bảo mật hậu lượng tử.

III. XÂY DỰNG KIẾN TRÚC DỮ LIỆU

1. Kiến trúc dữ liệu hiện tại

a) Phân tích hiện trạng

Tình trạng "cát cứ" dữ liệu còn rất phổ biến, các hệ thống thông tin được xây dựng riêng lẻ cho 06 lĩnh vực nghiệp vụ (Công tác văn phòng; Tổ chức - Xây dựng Đảng; Kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; Tuyên giáo và Dân vận; Nội chính; Chính sách, chiến lược). Điều này dẫn đến các hạn chế:

- Dữ liệu bị phân mảnh, trùng lặp: Cùng một đối tượng (ví dụ: một cán bộ, một tổ chức Đảng) được lưu trữ lặp lại ở nhiều hệ thống khác nhau, dẫn đến thông tin thiếu nhất quán, không đồng bộ.

- Chất lượng dữ liệu thấp: Dữ liệu chưa được quản lý và bảo đảm theo tiêu chí "**đúng, đủ, sạch, sống**". Việc thiếu các quy tắc và quy trình quản lý chất lượng dữ liệu dẫn đến thông tin sai lệch, không đáng tin cậy.

- Thiếu nền tảng quản lý dữ liệu thống nhất và dùng chung: Dữ liệu chủ (Master Data) và dữ liệu danh mục dùng chung (Reference Data) chưa được xác định và quản lý một cách tập trung, thống nhất. Đây là nguyên nhân gốc rễ của tình trạng dữ liệu không nhất quán.

b) Đánh giá chung

Kiến trúc dữ liệu hiện tại về cơ bản là một tập hợp các CSDL chuyên ngành rời rạc, được xây dựng theo nhu cầu của từng đơn vị mà không tuân thủ một mô hình tổng thể chung, gồm:

- Chưa bao gồm bức tranh tổng quan về dữ liệu, danh mục dữ liệu tập trung và dùng chung (dữ liệu chủ, dữ liệu danh mục dùng chung); Dữ liệu giao dịch và nghiệp vụ chuyên ngành; Dữ liệu tích hợp từ các hệ thống dữ liệu dùng chung quốc gia; Dữ liệu tổng hợp và phân tích; Dữ liệu mở.

- Chưa xác định được mô hình điều phối dữ liệu, giữa dữ liệu dùng chung tại cơ quan Đảng và dữ liệu dùng chung quốc gia, dữ liệu dùng chung tại cơ quan Đảng và dữ liệu dùng riêng tại các lĩnh vực chuyên ngành.

Những hạn chế trên cho thấy các điểm yếu gồm thiếu tính thống nhất và toàn diện, không có khả năng liên thông, tích hợp và thiếu cơ chế điều phối dữ liệu một cách khoa học. Điều này cản trở việc hình thành một bức tranh dữ liệu toàn cảnh, chính xác và kịp thời phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Do đó, việc xây dựng một kiến trúc dữ liệu mục tiêu có tính chiến lược, lấy dữ liệu làm trung tâm, hướng tới sự đồng bộ, thống nhất và liên thông là yêu cầu cấp thiết, làm nền tảng cho công cuộc chuyển đổi số toàn diện trong các cơ quan Đảng.

2. Kiến trúc dữ liệu mục tiêu

2.1. Sơ đồ kiến trúc dữ liệu cho các cơ quan Đảng

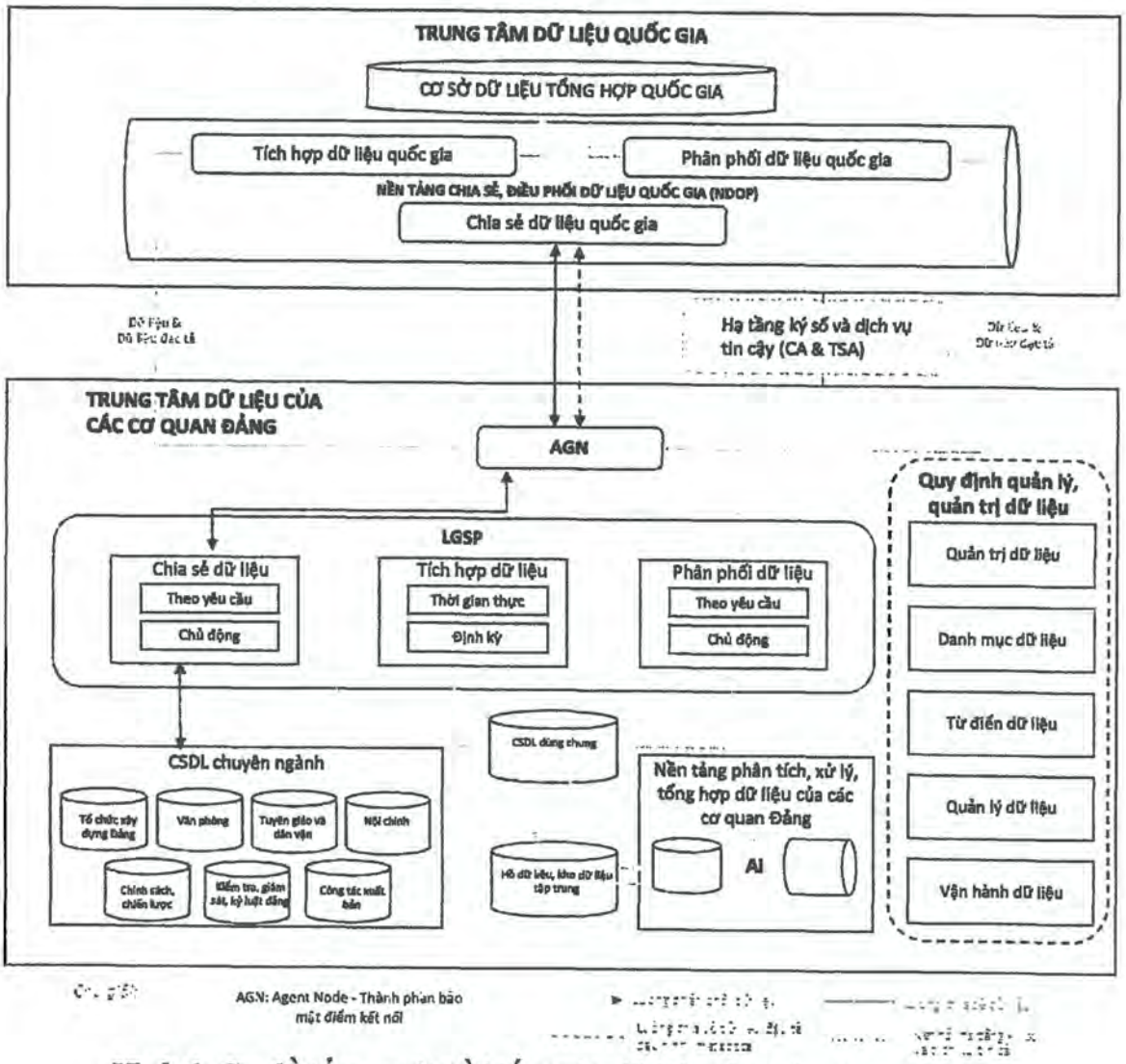

Hình 1: Sơ đồ tổng quát về kiến trúc dữ liệu cho các cơ quan Đảng

Các thành phần chính trong sơ đồ kiến trúc dữ liệu cho các cơ quan Đảng gồm:

- Nền tảng chia sẻ, tích hợp các HTTT, CSDL (LGSP) cung cấp các chức năng về chia sẻ dữ liệu, tích hợp dữ liệu và phân phối dữ liệu. Nền tảng LGSP có khả năng cung cấp phương thức chia sẻ dữ liệu/phân phối dữ liệu theo yêu cầu hoặc chủ động phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ. Nền tảng LGSP cũng thực hiện chức năng tích hợp dữ liệu, thu thập dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu/kho dữ liệu tổng hợp & phân tích.

- Thành phần bảo mật điểm kết nối AGN (Agent Node) bảo đảm về an toàn bảo mật, kết nối giữa nền tảng LGSP với nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP) tại TTDLQG để thực hiện điều phối dữ liệu quốc gia. Nền tảng NDOP là nền tảng trung tâm trong Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, đóng vai trò điều phối, tích hợp, kiểm soát luồng dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong toàn hệ thống chính trị trên môi trường số, đảm bảo kết nối thống nhất, thông suốt, an toàn và hiệu quả.

- Các cơ sở dữ liệu dùng chung là nơi lưu trữ, quản lý dữ liệu để cung cấp, phân phối trong nội bộ cơ quan, bộ ngành, địa phương và cung cấp cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, chia sẻ với các cơ quan, tổ chức khác.

- Cơ sở dữ liệu tổng hợp và phân tích lưu trữ, quản lý dữ liệu lớn, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu phân tích phục vụ các nhu cầu về báo cáo, thống kê, phân tích dữ liệu...

- Các quy định quản trị, quản lý dữ liệu, quản lý danh mục dữ liệu, quản lý từ điển dữ liệu, quản lý dữ liệu và vận hành dữ liệu.

2.2. Mô hình kiến trúc logic các cơ sở dữ liệu

2.2.1. Mô hình dữ liệu tham chiếu

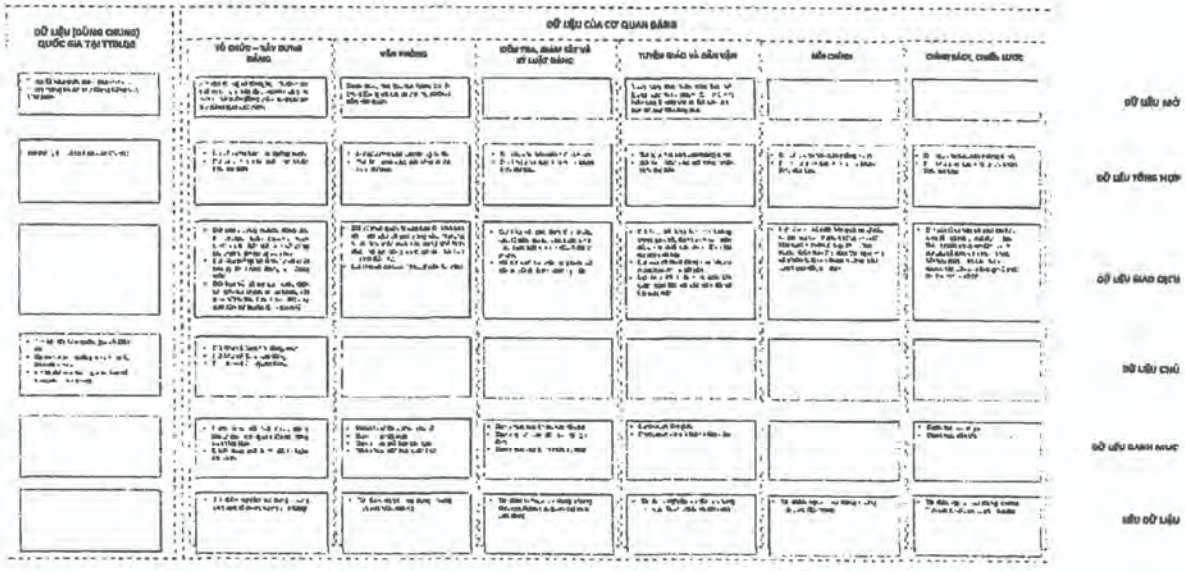

Hình 2. Mô hình dữ liệu tham chiếu

i) Dữ liệu chủ

Dữ liệu chủ mô tả các thực thể nghiệp vụ cốt lõi, ít thay đổi và được sử dụng xuyên suốt trong nhiều quy trình nghiệp vụ.

- Dữ liệu về Cán bộ, Đảng viên: Bao gồm toàn bộ thông tin về Cán bộ và Đảng viên trong hệ thống chính trị. Các thuộc tính định danh cơ bản (Số định danh cá nhân, Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quê quán, dân tộc) sẽ được kết nối, đồng bộ và xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư để đảm bảo tính chính xác. Trên nền tảng đó, hệ thống sẽ làm giàu thêm các thông tin đặc thù của công tác Đảng như: số thẻ Đảng viên, số lý lịch, Ngày vào Đảng, Ngày vào Đảng chính thức, Ngày miễn sinh hoạt Đảng, Trạng thái hoạt động (Đang công tác, đã nghỉ hưu, đã qua đời/mất tích), Ngày tuyển dụng (CBCCVC), Cơ quan tuyển dụng (CBCCVC).

- Dữ liệu về Tổ chức Đảng: Bao gồm thông tin về tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở (chi bộ). Các thông tin cần quản lý bao gồm: Mã tổ chức đảng, Tên tổ chức đảng, Ngày thành lập, Ngày kết thúc hoạt động, Trạng thái hoạt động.

- Dữ liệu về Tổ chức bộ máy biên chế/ Cơ quan Đảng: Bao gồm thông tin về cơ quan Đảng. Các thông tin cần quản lý bao gồm: Mã cơ quan/đơn vị, Tên cơ quan, Tên cơ quan cấp trên, Ngày hiệu lực, Địa chỉ, Điện thoại.

ii) Dữ liệu danh mục dùng chung

Đây là các bộ mã, bảng phân loại được chuẩn hóa và áp dụng thống nhất trong tất cả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan Đảng. Việc sử dụng chung các danh mục này là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo khả năng tích hợp và tổng hợp dữ liệu *(Danh mục dùng chung chi tiết nêu trong Phụ lục 3).*

iii) Dữ liệu giao dịch và nghiệp vụ chuyên ngành

Đây là các dữ liệu động, phát sinh hàng ngày từ các hoạt động nghiệp vụ cụ thể của các cơ quan Đảng. Dữ liệu này được phân nhóm theo 6 lĩnh vực nghiệp vụ chính đã được xác định:

- Tổ chức - Xây dựng Đảng: Dữ liệu về quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm cán bộ; dữ liệu về công tác phát triển Đảng viên mới; dữ liệu thống kê định kỳ về chất lượng tổ chức Đảng và Đảng viên. Dữ liệu về hồ sơ

sức khỏe điện tử, lịch sử khám chữa bệnh, kết quả kiểm tra sức khỏe định kỳ của cán bộ thuộc diện quản lý.

- **Văn phòng:** Dữ liệu về quản lý văn bản đi, văn bản đến; dữ liệu về lịch công tác, chương trình làm việc của các đồng chí lãnh đạo; hồ sơ công việc; hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử; dữ liệu về cam kết/ thoả thuận hợp tác.

- **Kiểm tra, Giám sát, Kỷ luật Đảng:** Dữ liệu về các đơn thư khiếu nại, tố cáo; hồ sơ các cuộc kiểm tra, giám sát khi có dấu hiệu vi phạm; hồ sơ các vụ việc vi phạm và các quyết định thi hành kỷ luật.

- **Tuyên giáo và Dân vận:** Dữ liệu về về đường lối, chủ trương và chính sách lớn của Đảng trong lĩnh vực tuyên giáo và dân vận; trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

- **Nội chính:** Dữ liệu về tiến độ, kết quả xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí theo dõi, chỉ đạo.

- **Chính sách, chiến lược:** Dữ liệu tổng hợp về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội vĩ mô được thu thập từ các cơ quan Chính phủ; dữ liệu về tình hình triển khai, kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội.

iv) Dữ liệu tích hợp từ các hệ thống dữ liệu dùng chung quốc gia

Dữ liệu của các cơ quan Đảng cần kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan khác trong hệ thống chính trị.

v) Dữ liệu tổng hợp và phân tích

Đây là các tập dữ liệu phái sinh, được tạo ra sau quá trình xử lý, tổng hợp, tính toán từ các nguồn dữ liệu gốc và dữ liệu tích hợp. Chúng được thiết kế và tối ưu hóa để phục vụ các mục đích cụ thể như:

- **Dữ liệu cho báo cáo thông minh (BI Dashboards):** Các tập dữ liệu được tổng hợp theo các chiều phân tích (thời gian, không gian, tổ chức...) để cung cấp các báo cáo trực quan, đa chiều cho lãnh đạo.

- Dữ liệu cho các mô hình phân tích, dự báo: Các tập dữ liệu lớn, đa nguồn được chuẩn bị để làm đầu vào cho các mô hình học máy, trí tuệ nhân tạo nhằm phân tích xu hướng, dự báo các kịch bản có thể xảy ra.

vi) Dữ liệu mở

Thực hiện theo Nguyên tắc 7: "*Thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đổi mới sáng tạo*" nêu trong Quy định số 05-QĐ/BCĐTW về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị, các cơ quan Đảng sẽ từng bước công khai một số loại dữ liệu mở phù hợp nhằm tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân khai thác, phục vụ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

- Lộ trình triển khai: Việc mở dữ liệu sẽ được thực hiện theo lộ trình thận trọng, có chọn lọc. Giai đoạn đầu (2026-2027) sẽ tập trung vào việc công bố các dữ liệu không chứa thông tin nhạy cảm, đã được công khai rộng rãi như:

+ Toàn văn các Văn kiện Đại hội Đảng, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã công khai.

+ Số liệu thống kê tổng hợp (không có thông tin chi tiết định danh) về tình hình phát triển Đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng qua các năm.

+ Danh mục các thủ tục hành chính trong Đảng và các quy trình, hướng dẫn liên quan.

- Nền tảng công bố: Dữ liệu mở sẽ được công bố tập trung trên một chuyên mục riêng của Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và được kết nối, đăng ký với Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) để tạo một điểm truy cập thống nhất cho người dân và doanh nghiệp.

vii) Siêu dữ liệu

Để đảm bảo tất cả các cơ quan, đơn vị và hệ thống thông tin hiểu và sử dụng dữ liệu một cách nhất quán, cơ quan Đảng cần xây dựng và duy trì quản lý siêu dữ liệu trong từ điển dữ liệu dùng chung. Từ điển dữ liệu cung cấp định nghĩa chuẩn và các thuộc tính kỹ thuật cho mọi thành phần dữ liệu trong toàn hệ thống, cho phép đồng nhất về cách hiểu và định nghĩa dữ liệu.

2.2.2. Mô hình dữ liệu mức khái niệm

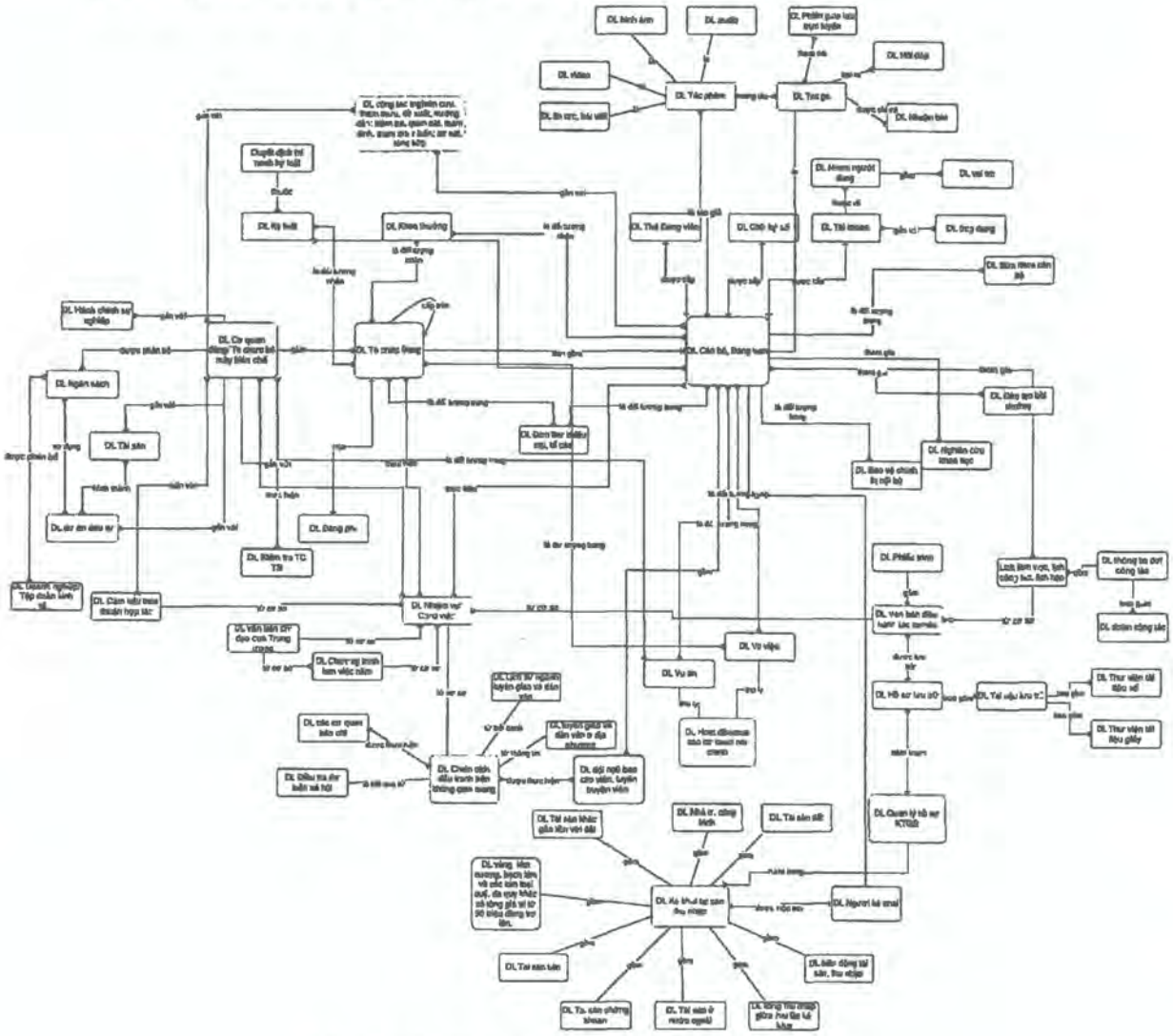

Hình 3: Mô hình dữ liệu mức khái niệm

Mô hình dữ liệu mức khái niệm cung cấp một cái nhìn tổng thể về các thực thể dữ liệu cốt lõi và mối quan hệ nghiệp vụ giữa chúng. Mô hình này là bản thiết kế nền tảng, định hình cách thức tổ chức và liên kết dữ liệu trong toàn bộ hệ sinh thái số của các cơ quan Đảng, nhằm phá vỡ các "ốc đảo" thông tin và tạo ra một không gian dữ liệu thống nhất.

Các thực thể dữ liệu trung tâm: Dựa trên phân tích về tần suất sử dụng, giá trị và tính ổn định, kiến trúc logic xác định ba thực thể dữ liệu chủ (Master Data) đóng vai trò trung tâm, là nguồn tham chiếu cho hầu hết các hoạt động nghiệp vụ:

- **Dữ liệu Cán bộ, Đảng viên:** Đại diện cho từng cá nhân cán bộ, công chức, viên chức và Đảng viên trong hệ thống chính trị. Đây là thực thể gốc, chứa các thông tin định danh và thuộc tính cơ bản, làm cơ sở để liên kết đến toàn bộ dữ liệu giao dịch phát sinh liên quan đến quá trình công tác và quản lý cán bộ.

- **Dữ liệu Tổ chức Đảng:** Đại diện cho các tổ chức Đảng trong hệ thống chính trị. Thực thể này cung cấp bối cảnh về mặt tổ chức, là nền tảng để quản lý các hoạt động mang tính tập thể và công tác Đảng vụ trong tổ chức Đảng.

- **Dữ liệu Cơ quan Đảng:** Đại diện cho các cơ quan Đảng trong hệ thống chính trị. Thực thể này cung cấp bối cảnh về mặt tổ chức, là nền tảng để quản lý các hoạt động mang tính tập thể và công tác Đảng vụ trong cơ quan Đảng.

Mô hình quan hệ và các cụm dữ liệu chuyên ngành:

Từ các thực thể trung tâm, các mối quan hệ dữ liệu được hình thành, tạo nên các cụm cơ sở dữ liệu logic tương ứng với các lĩnh vực nghiệp vụ. Các dữ liệu nghiệp vụ này, về bản chất là dữ liệu giao dịch hoặc dữ liệu sự kiện, sẽ được liên kết với các thực thể chủ thay vì lưu trữ trùng lặp thông tin. Cụ thể như sau:

- **Cụm dữ liệu về Công tác Đảng viên:** Thực thể Đảng viên là đối tượng quản lý chính, được liên kết chặt chẽ với các nhóm dữ liệu giao dịch như: Dữ liệu Khen thưởng, Dữ liệu Kỷ luật, Dữ liệu Đào tạo bồi dưỡng, Dữ liệu Sức khỏe cán bộ và Dữ liệu Bảo vệ chính trị nội bộ. Thông qua các mối quan hệ này, mô hình cho phép hình thành một hồ sơ Đảng viên điện tử 360 độ, phản ánh đầy đủ quá trình công tác, cống hiến, năng lực và phẩm chất của cán bộ.

- **Cụm dữ liệu về Kê khai và Kiểm soát Tài sản, Thu nhập:** Đây là một phân hệ quan trọng gắn liền với thực thể Cán bộ, Đảng viên. Dữ liệu Kê khai tài sản thu nhập được thiết kế chi tiết, bao gồm các thành phần con như: Dữ liệu Tài sản sẵn có, Dữ liệu Nhà ở, công trình, Dữ liệu Tài sản đất, Dữ liệu Tài sản ở nước ngoài và Dữ liệu Biến động tài sản, thu nhập. Kiến trúc này bảo đảm tính minh bạch và phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- **Cụm dữ liệu về Hoạt động của Tổ chức và Xây dựng Đảng:** Thực thể Cơ quan, Tổ chức, Đảng viên là chủ thể thực hiện các hoạt động nghiệp vụ. Nó có mối quan hệ trực tiếp với các dữ liệu giao dịch như Dữ liệu Chương trình làm việc, Dữ liệu Ngân sách, Dữ liệu Tài sản, Dữ liệu Cam kết/ thỏa thuậnhợp tác. Đồng thời, hoạt động của cơ quan/ tổ chức được định hướng bởi Dữ liệu Văn bản chỉ đạo của Trung ương và được giám sát thông qua Dữ liệu Chương trình kiểm tra.

- Cụm dữ liệu về lĩnh vực Nội chính: Các nhóm dữ liệu giao dịch phục vụ các nghiệp vụ đặc thù như: Dữ liệu Vụ án, Vụ việc, Hoạt động của các cơ quan nội chính.

- Cụm dữ liệu về Công tác xuất bản gồm Dữ liệu Tác phẩm (bao gồm hình ảnh, audio, video, bài viết) và Dữ liệu Tác giả cho thấy việc quản lý các sản phẩm trí tuệ, sáng tạo trong quá trình hoạt động, trong đó Tác giả chính là một liên kết tới thực thể chủ Cán bộ, Đảng viên.

Mô hình dữ liệu mức khái niệm mô tả ở trên phản ánh sâu sắc cấu trúc và phương thức hoạt động của các cơ quan Đảng. Bằng việc định hình các thực thể trung tâm và các mối quan hệ nghiệp vụ rõ ràng, mô hình này tạo ra một bản thiết kế tổng thể để xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành một cách đồng bộ, có khả năng liên kết, tích hợp và chia sẻ, đáp ứng mục tiêu quản trị dựa trên dữ liệu một cách hiệu quả và toàn diện.

2.3. Mô hình logic luồng dữ liệu

2.3.1 Mô hình tích hợp, chia sẻ và điều phối dữ liệu

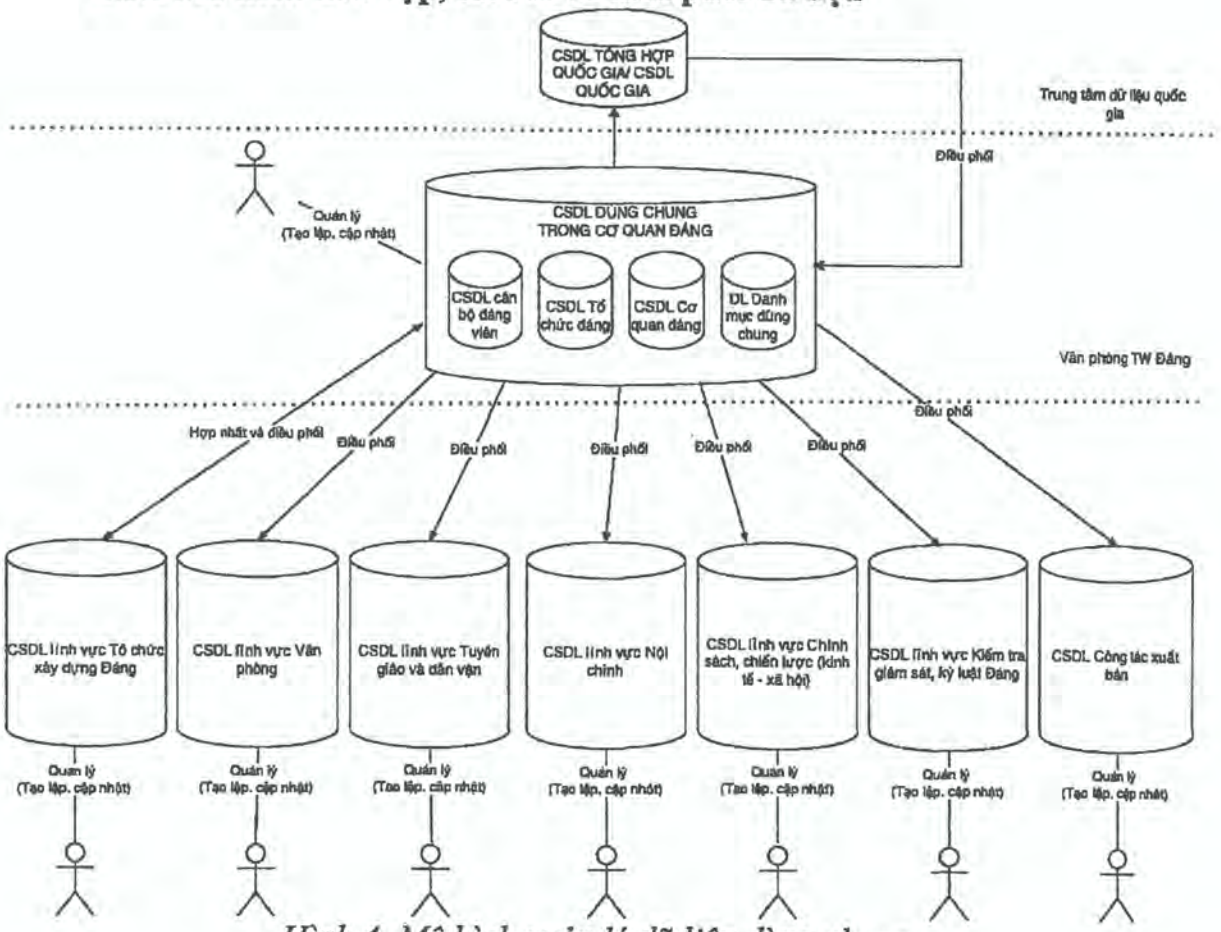

Hình 4. Mô hình quản lý dữ liệu dùng chung

Mô hình quản lý dữ liệu dùng chung được thiết kế nhằm giải quyết bài toán "cát cứ thông tin", thiết lập một "nguồn chân lý duy nhất" (single source of truth) cho các dữ liệu chủ và dữ liệu danh mục, đồng thời bảo đảm sự linh hoạt và chủ động cho các đơn vị nghiệp vụ chuyên ngành. Mô hình được xây dựng theo kiến trúc phân tầng, kết hợp giữa quản lý phân quyền tại nguồn và hợp nhất, điều phối tập trung, gồm ba lớp chính với các luồng dữ liệu được điều phối chặt chẽ:

- **Lớp Dữ liệu chuyên ngành (Nguồn tạo lập):** Đây là lớp cơ sở, bao gồm các Cơ sở dữ liệu (CSDL) phục vụ trực tiếp cho các lĩnh vực nghiệp vụ đặc thù như: CSDL lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng, CSDL lĩnh vực Văn phòng, CSDL lĩnh vực Tuyên giáo và dân vận và các lĩnh vực khác. Theo nguyên tắc "dữ liệu được tạo lập một lần tại nguồn", các đơn vị chuyên ngành được phân quyền chịu trách nhiệm tạo lập, cập nhật và bảo đảm tính chính xác, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của mình. Các cán bộ quản lý tại đây là những người am hiểu sâu sắc nhất về nghiệp vụ và là người chịu trách nhiệm đầu tiên về chất lượng dữ liệu.

- **Lớp Dữ liệu dùng chung tập trung (Lõi điều phối):** Lớp này là hạt nhân của mô hình, bao gồm CSDL Dùng chung trong cơ quan Đảng. Kho dữ liệu này được cấu thành từ các thành phần cốt lõi: CSDL Cán bộ Đảng viên, CSDL Tổ chức Đảng, CSDL Cơ quan Đảng (đóng vai trò là các dữ liệu chủ, được quản lý trên nền tảng quản lý dữ liệu chủ/ Master Data Management) và Dữ liệu Danh mục dùng chung. Luồng dữ liệu từ các CSDL chuyên ngành sẽ được hợp nhất và điều phối về CSDL Dùng chung. Tại đây, các quy trình làm sạch, chuẩn hóa, hợp nhất và loại bỏ trùng lặp sẽ được thực thi để tạo ra "bản ghi vàng" (golden record) cho các thực thể dữ liệu chủ. Văn phòng Trung ương Đảng đóng vai trò quản lý, vận hành kho dữ liệu trung tâm này, bảo đảm tính nhất quán, toàn vẹn và sẵn sàng cho việc chia sẻ, khai thác trên toàn hệ thống.

- **Lớp Dữ liệu quốc gia (Lớp liên thông):** Từ CSDL Dùng chung của cơ quan Đảng, các dữ liệu cần thiết sẽ được điều phối để kết nối, chia sẻ và đồng bộ với CSDL Tổng hợp Quốc gia/CSDL Quốc gia đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Luồng dữ liệu này bảo đảm kiến trúc dữ liệu của các cơ quan Đảng tuân thủ và liên thông chặt chẽ với kiến trúc tổng thể của quốc gia, phục vụ mục tiêu quản

trị dựa trên dữ liệu ở quy mô toàn hệ thống chính trị. Cách tiếp cận này phát huy được các ưu điểm:

- **Bảo đảm chất lượng dữ liệu tại nguồn:** Giao trách nhiệm tạo lập dữ liệu cho các đơn vị am hiểu nhất về nghiệp vụ.

- **Loại bỏ cát cứ thông tin:** Dữ liệu từ các nguồn phân tán được hợp nhất về một kho dùng chung duy nhất, tạo ra một bức tranh dữ liệu toàn diện và nhất quán.

- **Tăng cường khả năng liên thông:** CSDL Dùng chung đóng vai trò là đầu mối duy nhất để điều phối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ và kết nối với các hệ thống bên ngoài, đặc biệt là các CSDL Quốc gia.

Mô hình quản lý dữ liệu dùng chung này tạo ra một dòng chảy dữ liệu logic, có kiểm soát, từ các đơn vị nghiệp vụ đến trung tâm và liên thông với quốc gia, là nền tảng vững chắc để khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành.

2.3.2. Sơ đồ luồng dữ liệu

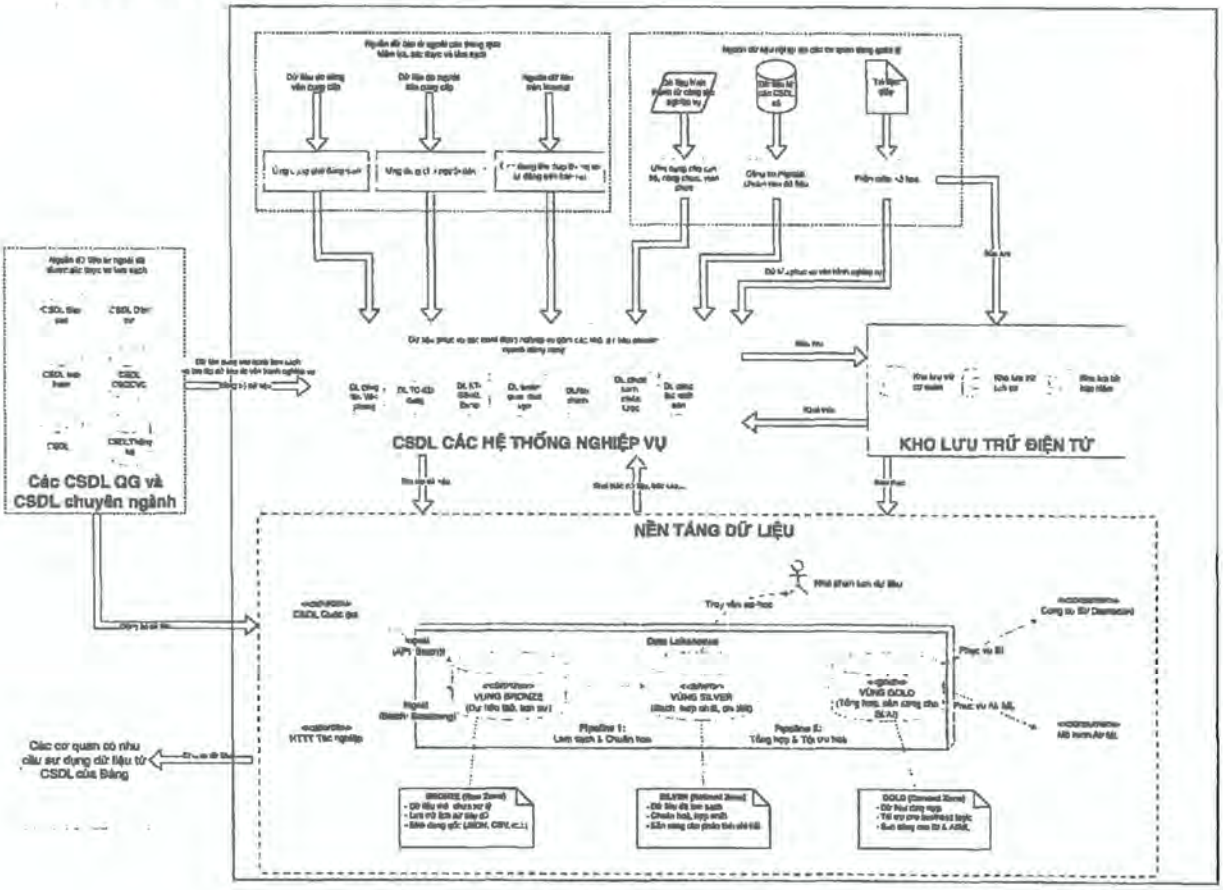

Hình 5. Sơ đồ luồng dữ liệu

Mô hình logic luồng dữ liệu mô tả một cách tổng thể các dòng chảy của dữ liệu trong toàn bộ hệ sinh thái số của các cơ quan Đảng. Mô hình này thể hiện rõ quá trình từ khâu thu thập, tạo lập dữ liệu ban đầu; xử lý, lưu trữ tại các hệ thống nghiệp vụ; tích hợp, tổng hợp tại kho dữ liệu dùng chung; cho đến khâu khai thác, chia sẻ phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và các hoạt động chuyên môn.

Mô hình bao gồm các luồng dữ liệu chính sau:

1. Luồng Thu thập và tạo lập dữ liệu: Đây là luồng đầu vào, nơi dữ liệu được hình thành từ nhiều nguồn đa dạng, bảo đảm nguyên tắc dữ liệu chỉ nhập một lần tại nguồn:

- Nguồn dữ liệu nội tại: Dữ liệu được tạo lập hàng ngày thông qua các hoạt động nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Dữ liệu từ các tài liệu giấy được số hóa thông qua các phần mềm chuyên dụng. Đồng thời, dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu cũ, manh mún sẽ được di chuyển (migrate) và chuẩn hóa để đưa vào hệ thống mới.

- Nguồn dữ liệu từ bên ngoài:

+ Từ các Cơ sở dữ liệu Quốc gia và CSDL chuyên ngành: Dữ liệu được kết nối, đồng bộ từ các hệ thống trọng yếu như CSDL Dân cư, CSDL Cán bộ công chức viên chức (CBCCVC), CSDL Bảo hiểm, CSDL Thống kê... Dữ liệu này được kiểm tra, xác thực và làm sạch trước khi đưa vào hệ thống để bảo đảm tính chính xác.

+ Từ người dân và Internet: Dữ liệu do người dân cung cấp thông qua các ứng dụng chuyên biệt và dữ liệu được thu thập từ không gian mạng (Internet) phục vụ công tác nắm bắt thông tin, dư luận xã hội.

2. Luồng xử lý và lưu trữ nghiệp vụ: Sau khi được thu thập, dữ liệu được đưa vào xử lý và lưu trữ tại các hệ thống lõi:

- CSDL các hệ thống nghiệp vụ: Dữ liệu được phân loại và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tương ứng với 6 lĩnh vực nghiệp vụ chính, bao gồm: Tổ chức - Xây dựng Đảng (TC-XD); Kiểm tra, Giám sát và Kỷ luật (KT-GS&KL); Tuyên giáo, Dân vận; Nội chính; Chính sách, chiến lược; và công tác Văn phòng.

Đây là nơi dữ liệu "sống", được cập nhật và sử dụng thường xuyên cho các hoạt động tác nghiệp hàng ngày.

- **Kho Lưu trữ điện tử:** Dữ liệu có giá trị lịch sử, cần lưu trữ lâu dài từ các hệ thống nghiệp vụ và các tài liệu đã được số hóa sẽ được chuyển vào Kho Lưu trữ điện tử. Kho này được phân thành các kho nhỏ hơn như kho lưu trữ cơ quan, kho lưu trữ lịch sử và kho lưu trữ bảo hiểm (sao lưu, dự phòng), bảo đảm tính toàn vẹn và an toàn cho tài sản thông tin của Đảng.

3. Luồng tích hợp và tổng hợp tại nền tảng dữ liệu: Đây là luồng dữ liệu trung tâm, nơi giá trị của dữ liệu được hội tụ và nâng cao: Dữ liệu từ CSDL các Hệ thống nghiệp vụ, Kho Lưu trữ điện tử và các CSDL Quốc gia, CSDL ngành được thu thập, đồng bộ và tích hợp vào một nền tảng dữ liệu dùng chung duy nhất. Tại đây, dữ liệu được xử lý, làm sạch, chuẩn hóa và tổ chức lại thành các nhóm dữ liệu có giá trị cao, bao gồm: Dữ liệu chủ (về Cán bộ, Đảng viên, Tổ chức Đảng, Cơ quan Đảng), Dữ liệu danh mục dùng chung, Dữ liệu mở và Dữ liệu theo các chủ đề chuyên ngành.

4. Luồng Khai thác và chia sẻ dữ liệu: Từ nền tảng dữ liệu dùng chung, dữ liệu được khai thác và chia sẻ để phục vụ các mục đích khác nhau:

- **Khai thác nội bộ:** Dữ liệu được sử dụng cho các hoạt động phân tích chuyên sâu, xây dựng các báo cáo tổng hợp, đa chiều và các bảng thông tin điều hành (dashboard) phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy.

- **Chia sẻ ra bên ngoài:** Thông qua các nền tảng chia sẻ dữ liệu, dữ liệu được cung cấp một cách an toàn, có kiểm soát cho các cơ quan khác trong hệ thống chính trị có nhu cầu sử dụng, hiện thực hóa chủ trương liên thông, kết nối dữ liệu toàn diện.

Mô hình luồng dữ liệu này bảo đảm một dòng chảy thông tin logic, có kiểm soát, từ nguồn phát sinh đến nơi sử dụng cuối cùng, tạo thành một vòng tuần hoàn khép kín, giúp tối ưu hóa việc quản lý, nâng cao chất lượng và khai thác hiệu quả giá trị của dữ liệu trong các cơ quan Đảng.

2.4. Mô hình nền tảng dữ liệu

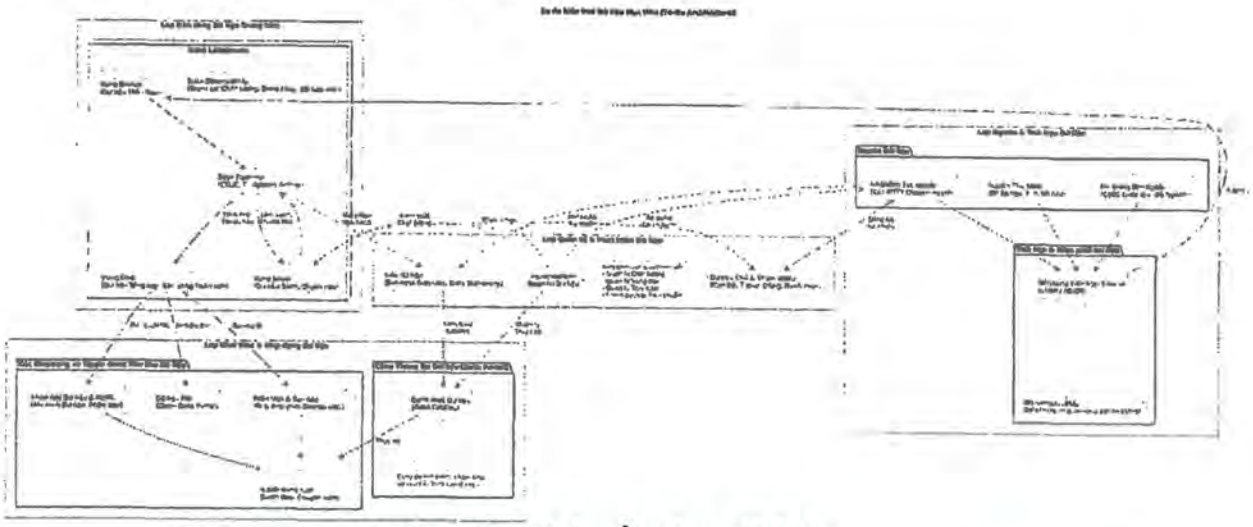

Hình 6: Mô hình nền tảng dữ liệu

Sơ đồ trên minh họa luồng dữ liệu chi tiết với các thành phần trong nền tảng dữ liệu, được thiết kế theo hướng hiện đại, tích hợp, có khả năng mở rộng và đáp ứng các yêu cầu về quản trị, khai thác dữ liệu hiệu quả trong tương lai.

2.4.1. Lớp Nguồn & tích hợp dữ liệu:

- Nguồn dữ liệu: Thu thập dữ liệu từ các nguồn đa dạng bao gồm: các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành (ví dụ: hệ thống quản lý cán bộ, đảng viên), nguồn nhập thủ công từ người dùng, từ các hệ thống bên ngoài hoặc dữ liệu công khai (ví dụ: dữ liệu từ các CSDL Quốc gia, dữ liệu kinh tế - xã hội).

- Tích hợp và điều phối dữ liệu: Sử dụng Nền tảng Tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) hoạt động như một trục tích hợp trung tâm (API Gateway, ESB) để quản lý luồng dữ liệu. Dữ liệu được thu thập thông qua các phương thức như tải theo lô hoặc theo sự kiện, sau đó được điều phối và nạp vào lớp nền tảng dữ liệu trung tâm.

2.4.2. Lớp Nền tảng dữ liệu trung tâm (Data Lakehouse):

Đây là trung tâm lưu trữ và xử lý dữ liệu chính, được tổ chức theo các vùng dữ liệu với mức độ xử lý và tinh chế khác nhau:

- Vùng Bronze (Dữ liệu thô): Lưu trữ dữ liệu thô, chưa qua xử lý hoặc xử lý rất ít, được nạp vào từ Lớp nguồn. Vùng này tích hợp công cụ Giám sát dữ liệu (Data Observability) để theo dõi chất lượng dữ liệu ngay từ đầu vào.

- Vùng Silver (Dữ liệu đã làm sạch, chuẩn hoá): Chứa dữ liệu đã được làm sạch, chuẩn hóa, loại bỏ trùng lặp, và tích hợp từ nhiều nguồn khác nhau. Dữ liệu ở vùng này đảm bảo tính nhất quán, đáng tin cậy, sẵn sàng cho các mục đích báo cáo, thống kê cơ bản và làm đầu vào cho vùng Gold.

- Vùng Gold (Dữ liệu tổng hợp, sẵn sàng cho phân tích): Chứa dữ liệu đã được tổng hợp, làm giàu và tối ưu hóa theo các mô hình dữ liệu cụ thể (ví dụ: mô hình sao, mô hình snowflake) phục vụ cho các nhu cầu phân tích nghiệp vụ chuyên sâu (BI & Analytics), khoa học dữ liệu (AI/ML), hoặc các ứng dụng dữ liệu khác. Dữ liệu đầu ra có thể là các bảng dữ liệu tổng hợp (data marts), dữ liệu cho AutoML, hoặc dữ liệu phục vụ báo cáo BI.

- Data Pipelines (Đường ống dữ liệu): Sử dụng các công cụ điều phối như Apache Airflow để thực hiện các quy trình ETL/ELT (Trích xuất, Chuyển đổi, Tải) tự động. Các quy trình này bao gồm các bước tổng hợp, làm sạch, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu giữa các vùng Bronze, Silver và Gold.

2.4.2. Lớp Quản trị & phát triển dữ liệu

Lớp này cung cấp các chức năng quản trị và ngữ cảnh hóa dữ liệu:

- Siêu dữ liệu (Metadata): Quản lý tập trung thông tin mô tả về dữ liệu, bao gồm Bảng thuật ngữ Nghiệp vụ (Business Glossary) và Từ điển Dữ liệu (Data Dictionary). Siêu dữ liệu giúp kiểm soát, tham chiếu, phân loại dữ liệu và hỗ trợ áp dụng các chính sách quản trị.

- Quản trị Dữ liệu (Data Governance): Thiết lập và thực thi các chính sách, quy tắc liên quan đến bảo vệ và mã hóa dữ liệu, quản lý vòng đời dữ liệu, quản lý truy cập theo vai trò và nhu cầu, đảm bảo tuân thủ các quy định.

- Dữ liệu chủ và dữ liệu tham chiếu: Quản lý tập trung các dữ liệu cốt lõi, quan trọng (ví dụ: thông tin về cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng) và các danh mục dùng chung (ví dụ: danh mục đơn vị hành chính, chức vụ) để đảm bảo tính nhất quán trên toàn hệ thống.

- Để vận hành lớp quản trị này, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu sẽ đóng vai trò là **Văn phòng Quản trị Dữ liệu (Data Governance Office - DGO)**, chịu trách

nhiệm điều phối, xây dựng quy trình và vận hành các công cụ quản trị dữ liệu tập trung.

2.4.3. Lớp Khai thác & ứng dụng dữ liệu

Cung cấp giao diện và công cụ cho người dùng cuối và các ứng dụng để truy cập và khai thác dữ liệu đã được quản trị. Lớp này bảo đảm cơ chế cung cấp dữ liệu theo lô hoặc theo thời gian thực (cho các nghiệp vụ cần cập nhật lập tức) theo từng trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu:

- **Cổng thông tin dữ liệu (Data Portal):** Là điểm truy cập tập trung, cung cấp Danh mục dữ liệu (Data Catalog) giúp người dùng tìm kiếm, khám phá dữ liệu hiện có. Cổng thông tin cũng cung cấp công cụ để người dùng yêu cầu quyền truy cập dữ liệu theo quy trình phê duyệt.

- **Các ứng dụng và người dùng dữ liệu:** Phục vụ nhiều đối tượng người dùng khác nhau (Lãnh đạo, Chuyên viên) với các công cụ và ứng dụng chuyên biệt như: công cụ Phân tích & Báo cáo (BI & Analytics Dashboards) để trực quan hóa dữ liệu; môi trường khoa học dữ liệu/AI/ML để xây dựng các mô hình phân tích nâng cao và các ứng dụng dữ liệu khác (như: Cổng dữ liệu mở quốc gia data.gov.vn).

Mô hình nền tảng dữ liệu mục tiêu này được thiết kế để giải quyết các thách thức về dữ liệu phân mảnh, thiếu nhất quán, khó khăn trong chia sẻ và khai thác. Bằng cách tập trung dữ liệu vào một nền tảng Lakehouse được quản trị chặt chẽ, mô hình này tạo ra nguồn dữ liệu đáng tin cậy, an toàn và dễ dàng truy cập, hỗ trợ việc ra quyết định dựa trên dữ liệu, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan đảng, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc kiến trúc cốt lõi đã đề ra.

3. Kiến trúc an toàn dữ liệu 8 lớp

Mô hình kiến trúc An toàn dữ liệu 8 lớp là mô hình phân tầng để bảo vệ toàn diện, áp dụng thống nhất trong hệ sinh thái số của các cơ quan Đảng. Mỗi lớp tập trung vào một lĩnh vực cụ thể, tạo thành các lớp phòng thủ kế tiếp nhau, từ hạ tầng vật lý đến các chính sách quản trị.

Lớp	Tên Lớp	Mục tiêu chính
1	An ninh vật lý và Môi trường	Bảo vệ hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) khỏi các mối đe dọa vật lý và môi trường.
2	An ninh mạng	Bảo vệ vành đai, phân vùng mạng và bảo mật luồng dữ liệu.
3	An ninh hạ tầng và nền tảng	Bảo mật máy chủ, hệ điều hành, nền tảng ảo hóa và điện toán đám mây.
4	An ninh ứng dụng	Bảo đảm các ứng dụng nghiệp vụ được phát triển và vận hành an toàn.
5	An ninh dữ liệu	Bảo vệ dữ liệu trong suốt vòng đời (lưu trữ, truyền tải, xử lý).
6	Quản lý định danh và truy cập	Đảm bảo đúng người dùng truy cập đúng tài nguyên với quyền hạn phù hợp.
7	Giám sát và vận hành an ninh	Phát hiện, phân tích và ứng phó kịp thời với các sự cố an ninh mạng.
8	Quản trị, rủi ro và tuân thủ	Thiết lập khung chính sách, quản lý rủi ro và đảm bảo tuân thủ quy định.

3.1. Lớp An ninh vật lý và môi trường

Mục tiêu: Lớp 1 là nền tảng của toàn bộ kiến trúc, có mục tiêu bảo vệ các tài sản CNTT vật lý khỏi các mối đe dọa hữu hình như truy cập trái phép, trộm cắp, phá hoại và các rủi ro từ môi trường như cháy, nổ, ngập lụt, mất điện. Phạm vi bảo vệ tập trung vào Trung tâm dữ liệu (TTDL) chính của các cơ quan Đảng đặt tại Trung tâm dữ liệu Quốc gia (Khu công nghệ cao Hòa Lạc) và TTDL dự phòng tại trụ sở Văn phòng Trung ương Đảng (số 1A Hùng Vương).

Giải pháp:

- Kiểm soát ra vào đa lớp: Áp dụng các biện pháp kiểm soát truy cập vật lý nghiêm ngặt, bao gồm nhiều lớp từ vòng ngoài đến khu vực chứa tủ rack, sử dụng kết hợp thẻ từ, xác thực sinh trắc học (vân tay, khuôn mặt) và có nhật ký giám sát điện tử ghi lại mọi hoạt động ra vào.

- Giám sát an ninh 24/7: Triển khai hệ thống camera giám sát (CCTV) có độ phân giải cao tại tất cả các khu vực quan trọng, cảm biến chuyển động, cảm biến mở cửa và duy trì đội ngũ bảo vệ chuyên nghiệp tuần tra liên tục.

- An toàn môi trường: Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động sử dụng khí sạch (FM200/Novec) để không làm hư hại thiết bị điện tử, hệ thống điều

hòa không khí chính xác (CRAC) để duy trì nhiệt độ và độ ẩm tối ưu, hệ thống cảnh báo sớm (rò rỉ nước, khói) và hệ thống chống sét.

- Nguồn điện và kết nối dự phòng: Đảm bảo nguồn điện liên tục thông qua hệ thống lưu điện (UPS) công suất lớn và máy phát điện dự phòng có khả năng tự động khởi động. Hạ tầng mạng phải có ít nhất hai đường kết nối vật lý từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác nhau để đảm bảo tính sẵn sàng.

- Tuân thủ tiêu chuẩn: TTDL chính phải được xây dựng và vận hành tuân thủ tiêu chuẩn tối thiểu TIA-942 Rated-3 (Tier 3) hoặc tương đương, đảm bảo khả năng bảo trì đồng thời. TTDL dự phòng cần đạt tiêu chuẩn tối thiểu TIA-942 Rated-2 (Tier 2).

3.2. Lớp An ninh mạng

Mục tiêu: Lớp 2 có mục tiêu thiết lập các vành đai bảo vệ logic, phân tách hệ thống thành các vùng mạng an toàn, kiểm soát chặt chẽ luồng dữ liệu ra vào và di chuyển giữa các vùng, đồng thời bảo vệ hệ thống khỏi các cuộc tấn công từ mạng bên ngoài.

Giải pháp:

- An ninh mạng vành đai: Triển khai hệ thống Tường lửa thế hệ mới (Next-Generation Firewall - NGFW) và hệ thống chống tấn công từ chối dịch vụ (Anti-DDoS) tại các điểm kết nối Internet để lọc lưu lượng, ngăn chặn các truy cập trái phép và các cuộc tấn công làm quá tải hệ thống.

- Phân vùng mạng (Network Segmentation): Thiết kế kiến trúc mạng theo các vùng chức năng riêng biệt như vùng DMZ (Demilitarized Zone) cho các dịch vụ công cộng, vùng Core cho các kết nối lõi, vùng Server Farm cho các máy chủ ứng dụng và CSDL và vùng Management cho quản trị hệ thống. Áp dụng chính sách tường lửa "chỉ cho phép những gì được chỉ định" (default deny) giữa các vùng để hạn chế sự lây lan của các cuộc tấn công.

- An ninh đường truyền: Mạng TSLCD: Ưu tiên tuyệt đối sử dụng Mạng TSLCD cho các kết nối giữa các cơ quan Đảng từ Trung ương đến cơ sở và cho việc trao đổi các dữ liệu nhạy cảm, bí mật. Mã hóa của Ban Cơ yếu Chính phủ: Áp dụng các giải pháp mã hóa kênh truyền (ví dụ: BMVPN) và mã hóa dữ liệu do Ban

Cơ yếu Chính phủ cung cấp cho tất cả các thông tin, dữ liệu được phân loại là bí mật nhà nước khi truyền trên mạng. Mạng riêng ảo (VPN): Sử dụng các kết nối VPN an toàn, được mã hóa mạnh cho các cán bộ cần truy cập hệ thống từ xa, kết hợp với xác thực đa yếu tố.

3.3. Lớp An ninh hạ tầng và nền tảng

Mục tiêu: Lớp 3 tập trung vào việc bảo vệ các thành phần hạ tầng tính toán (máy chủ vật lý, máy ảo), hệ thống lưu trữ và các phần mềm nền tảng cốt lõi như hệ điều hành, nền tảng ảo hóa và nền tảng điện toán đám mây.

Giải pháp:

- An ninh máy chủ và Hệ điều hành: Cấu hình cứng hóa (Hardening): Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn cấu hình an toàn (security baseline) cho tất cả các loại hệ điều hành (Windows, Linux). Quy trình này bao gồm việc tắt các dịch vụ, cổng mạng không cần thiết, gỡ bỏ các phần mềm không sử dụng và thiết lập các tham số bảo mật ở mức cao nhất. Quản lý bản vá (Patch Management): Triển khai một quy trình tự động hóa để rà soát, kiểm thử và cập nhật các bản vá lỗ hổng bảo mật cho hệ điều hành và các phần mềm nền tảng một cách kịp thời. Phòng chống mã độc (Anti-Malware): Trang bị giải pháp phòng chống mã độc tập trung, có khả năng quản lý từ một giao diện duy nhất và cập nhật mẫu nhận dạng virus tự động. Ưu tiên sử dụng các giải pháp thế hệ mới như Phát hiện và Phản hồi tại điểm cuối (EDR) để phát hiện các hành vi bất thường thay vì chỉ dựa vào mẫu virus.

3.4. Lớp An ninh ứng dụng

Mục tiêu: Lớp 4 đảm bảo rằng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng chuyên ngành và dùng chung được phát triển, kiểm thử và vận hành một cách an toàn, có khả năng chống lại các loại hình tấn công phổ biến nhắm vào ứng dụng như SQL Injection, Cross-Site Scripting (XSS) và các lỗ hổng logic nghiệp vụ.

Giải pháp:

- Tường lửa ứng dụng web (Web Application Firewall - WAF): Triển khai hệ thống WAF tại vùng DMZ để bảo vệ tất cả các ứng dụng có giao diện web. Giải pháp WAF phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật cơ bản do Bộ Khoa học và Công

nghệ ban hành, có khả năng học và phân tích hành vi người dùng để phát hiện các tấn công zero-day.

- Quy trình phát triển phần mềm an toàn (Secure SDLC): Yêu cầu các đơn vị phát triển phần mềm phải tích hợp các hoạt động kiểm tra an ninh vào mọi giai đoạn của vòng đời phát triển, bao gồm: phân tích mối đe dọa (threat modeling) ở giai đoạn thiết kế, quét mã nguồn tĩnh (SAST) trong quá trình lập trình và quét lỗ hổng động (DAST) trong giai đoạn kiểm thử.

- Kiểm tra, đánh giá ATTT: Tất cả các hệ thống thông tin, ứng dụng trước khi được đưa vào vận hành chính thức phải trải qua quá trình kiểm tra, đánh giá ATTT và kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) bởi một đơn vị độc lập có chức năng.

3.5. Lớp An ninh dữ liệu

Mục tiêu: Lớp 5 là lớp bảo vệ quan trọng nhất, tập trung vào tài sản cốt lõi là dữ liệu. Mục tiêu là đảm bảo tính bí mật (confidentiality), toàn vẹn (integrity) và sẵn sàng (availability) của dữ liệu trong suốt vòng đời của nó: khi đang được lưu trữ (data at rest), khi đang được truyền đi (data in transit) và khi đang được xử lý (data in use).

Giải pháp:

- Phân loại và Gắn nhãn Dữ liệu: Xây dựng và ban hành chính sách phân loại dữ liệu thống nhất trong toàn hệ thống các cơ quan Đảng (ví dụ: Công khai, Nội bộ, Mật, Tối mật, Tuyệt mật). Triển khai các công cụ hỗ trợ để tự động hoặc bán tự động gắn nhãn cho dữ liệu ngay tại thời điểm tạo lập.

- Mã hóa Dữ liệu: Mã hóa khi lưu trữ (Encryption at Rest): Áp dụng mã hóa các CSDL chứa dữ liệu từ mức mật trở lên. Mã hóa khi truyền (Encryption in Transit): Bắt buộc sử dụng các giao thức mã hóa mạnh như TLS1.2 trở lên cho tất cả các kết nối web. Đối với dữ liệu bí mật nhà nước, phải sử dụng các giải pháp mã hóa của Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Phòng chống thất thoát dữ liệu (Data Loss Prevention - DLP): Triển khai giải pháp DLP điểm cuối (endpoint DLP) và email để giám sát, phát hiện và ngăn chặn các hành vi truyền dữ liệu nhạy cảm ra ngoài trái với quy định.

- Tường lửa Cơ sở dữ liệu (Database Firewall): Triển khai giải pháp tường lửa CSDL để giám sát và kiểm soát các truy vấn trực tiếp vào CSDL, phát hiện và ngăn chặn các hành vi truy cập bất thường, các cuộc tấn công SQL injection ở tầng CSDL.

3.6. Lớp Quản lý định danh và truy cập

Mục tiêu: Lớp 6 đảm bảo rằng chỉ những người dùng hợp lệ mới được truy cập vào các hệ thống và tài nguyên và chỉ với những quyền hạn tối thiểu cần thiết để thực hiện công việc (nguyên tắc đặc quyền tối thiểu - Principle of Least Privilege).

Giải pháp:

- Nền tảng Định danh và Xác thực điện tử tập trung: Xây dựng và triển khai một Nền tảng Quản lý định danh và truy cập (IAM) tập trung cho toàn hệ thống các cơ quan Đảng. Nền tảng này sẽ quản lý vòng đời tài khoản người dùng và kết nối với CSDL quốc gia về dân cư để xác thực định danh khi cần thiết, đặc biệt cho các dịch vụ tương tác với công dân.

- Đăng nhập một lần (Single Sign-On - SSO) và Xác thực đa yếu tố (Multi-Factor Authentication - MFA): Cung cấp cho người dùng trải nghiệm đăng nhập thuận tiện, chỉ cần đăng nhập một lần để truy cập nhiều ứng dụng. Đồng thời, bắt buộc áp dụng MFA (sử dụng mã OTP, token, sinh trắc học) cho tất cả các tài khoản, đặc biệt là tài khoản quản trị và tài khoản truy cập từ xa.

- Quản lý truy cập đặc quyền (Privileged Access Management - PAM): Triển khai giải pháp PAM để kiểm soát, giám sát và ghi lại toàn bộ các phiên làm việc của các tài khoản có quyền quản trị cao (ví dụ: root, administrator). Mọi truy cập đặc quyền phải được yêu cầu, phê duyệt và thực hiện thông qua hệ thống PAM.

- Áp dụng cơ chế kiểm soát truy cập đa lớp, linh hoạt, kết hợp giữa mô hình Quản lý dựa trên vai trò (RBAC) và Quản lý dựa trên thuộc tính (ABAC) đảm bảo dữ liệu được truy cập đúng người, đúng việc, đúng thẩm quyền.

- Chữ ký số: Đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức được trang bị chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp để thực hiện ký số trên các văn bản

điện tử, xác thực trong các giao dịch, đảm bảo tính pháp lý, tính toàn vẹn và chống chối bỏ.

3.7. Lớp Giám sát và vận hành an ninh

Mục tiêu: Lớp 7 chuyển đổi mô hình phòng thủ từ bị động (chờ bị tấn công) sang chủ động, với khả năng giám sát liên tục, phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, săn lùng các mối đe dọa tiềm ẩn và ứng phó nhanh chóng, hiệu quả với các sự cố an ninh mạng.

Giải pháp:

- Xây dựng Trung tâm Giám sát ATTT mạng (SOC): Triển khai một SOC tập trung, hiện đại, có nhiệm vụ giám sát 24/7 toàn bộ hệ thống. SOC này phải được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia và các hệ thống giám sát của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định.

- Nền tảng Quản lý Thông tin và Sự kiện An ninh (SIEM): Triển khai hệ thống SIEM làm hạt nhân của SOC, có khả năng thu thập, chuẩn hóa, tương quan và phân tích nhật ký (log) từ tất cả các thành phần trong 8 lớp kiến trúc để phát hiện các dấu hiệu tấn công.

- Nền tảng Điều phối, Tự động hóa và Phản ứng An ninh (SOAR): Tích hợp nền tảng SOAR với SIEM để tự động hóa các quy trình ứng phó sự cố cơ bản (ví dụ: tự động cô lập một máy tính bị nhiễm mã độc), giúp giảm thiểu thời gian phản ứng từ vài giờ xuống còn vài phút. Giải pháp SOAR phải tuân thủ yêu cầu kỹ thuật của Bộ KH&CN.

- Giải pháp Phát hiện và ngăn chặn các hành vi nguy hại: Triển khai các giải pháp NDR và EDR để cung cấp khả năng hiển thị sâu vào lưu lượng mạng và các hoạt động trên thiết bị đầu cuối, giúp phát hiện các mối đe dọa tinh vi, phi truyền thống mà các công cụ khác có thể bỏ lỡ.

- Nền tảng Tri thức về mối đe dọa (Threat Intelligence Platform): Tích hợp các nguồn tin tình báo về các mối đe dọa mới nhất (mã độc, chiến dịch tấn công, lỗ hổng) từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước để làm giàu dữ liệu cho SIEM, giúp đội ngũ an ninh chủ động săn lùng và phòng ngừa các cuộc tấn công.

3.8. Lớp Quản trị rủi ro và tuân thủ

Mục tiêu: Lớp 8 là lớp cao nhất, bao trùm toàn bộ kiến trúc, có mục tiêu thiết lập một khung quản lý tổng thể để định hướng chiến lược ATTT, nhận diện và quản lý rủi ro, ban hành các chính sách, quy trình và đảm bảo tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Giải pháp:

- Hệ thống chính sách, quy chế: Xây dựng và ban hành một bộ chính sách, quy chế, quy trình ATTT thống nhất, rõ ràng, dựa trên các quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP, Luật An ninh mạng và các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế như TCVN 11930:2017 (dựa trên ISO/IEC 27001).

- Quản lý rủi ro ATTT: Xây dựng và vận hành một quy trình quản lý rủi ro ATTT định kỳ, bao gồm các bước: nhận diện tài sản thông tin, xác định các mối đe dọa và lỗ hổng, đánh giá tác động và khả năng xảy ra, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý rủi ro phù hợp.

- Quản lý tuân thủ: Đảm bảo 100% các hệ thống thông tin được phân loại, xác định cấp độ an toàn và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo đúng quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP.

- Đào tạo và nâng cao nhận thức: Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức và kỹ năng ATTT cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức một cách thường xuyên. Định kỳ tổ chức các buổi diễn tập thực chiến về an toàn thông tin để nâng cao khả năng phản ứng trước các sự cố.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Giai đoạn 1 (2026): Thiết lập cơ sở pháp lý, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng, bước đầu đưa các hệ thống đưa vào hoạt động ổn định.

2. Giai đoạn 2 (2027–2028): Mở rộng phạm vi dữ liệu, tích hợp đồng bộ với lộ trình tập trung các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu về Trung tâm dữ liệu quốc gia; Dịch chuyển việc trao đổi dữ liệu sang nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP) và từng bước công khai một số loại dữ liệu mở phù hợp nhằm tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình.

3. Giai đoạn 3 (2029-2030): Hoàn thành tích hợp Cơ sở dữ liệu các cơ quan Đảng với Cơ sở dữ liệu dùng chung, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các nền tảng dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn sau:

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng đóng vai trò là cơ quan điều phối dữ liệu thống nhất của Đảng:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan Đảng là chủ quản cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu từng lĩnh vực nghiệp vụ của Đảng xác định rõ lộ trình tạo lập, lưu trữ dữ liệu, sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu của Đảng;

b) Chủ trì đầu tư, xây dựng và quản trị, vận hành kỹ thuật, bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin các Hệ thống thông tin nghiệp vụ phục vụ công tác nghiệp vụ, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng tại Trung tâm dữ liệu của Đảng;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 1 của Quyết định này;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan, ban Đảng Trung ương, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy:

a) Thực hiện trách nhiệm của chủ quản cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu từng lĩnh vực nghiệp vụ của Đảng theo quy định, quy trình quản trị, quản lý dữ liệu.

b) Chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 1 của Quyết định này.

PHỤ LỤC 1

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Thiết lập cơ sở pháp lý, xây dựng các cơ sở dữ liệu trọng yếu theo các lĩnh vực, bước đầu đưa các hệ thống đưa vào hoạt động ổn định.	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan đảng	2026	
2	Mở rộng phạm vi dữ liệu, tích hợp đồng bộ với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; Dịch chuyển việc trao đổi dữ liệu sang nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP) và từng bước công khai một số loại dữ liệu mở phù hợp nhằm tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình.	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan đảng từ trung ương đến cơ sở	2026-2027	
3	Hoàn thành tích hợp Cơ sở dữ liệu các cơ quan Đảng với Cơ sở dữ liệu dùng chung, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các nền tảng dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan đảng từ trung ương đến cơ sở	2028-2030	

PHỤ LỤC 2

BẢNG ÁNH XẠ DỮ LIỆU VÀ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ

STT	Tên thực thể dữ liệu	Quy trình tạo ra thực thể dữ liệu	Quy trình sử dụng dữ liệu
I	**Dữ liệu lĩnh vực Tổ chức Xây dựng Đảng**		
1	Dữ liệu Tổ chức Đảng	- Quy trình quản lý tổ chức Đảng - Quy trình sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn của hệ thống chính trị	- Quy trình quản lý CBCCVC - Quy trình xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng - Quy trình quản lý Đảng viên - Quy trình quản lý thẻ Đảng - Quy trình chuyển sinh hoạt Đảng - Quy trình thi đua, khen thưởng tổ chức Đảng, Đảng viên - Quy trình xét tặng huy hiệu Đảng - Quy trình quản lý phiếu báo - Quy trình quản lý hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ - Quy trình thẩm định tiêu chuẩn chính trị - Quy trình thẩm tra, xác minh - Quy trình kiểm tra - Quy trình giải quyết tố cáo - Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức Đảng, Đảng viên - Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng - Quy trình kiểm tra tài chính Đảng - Quy trình tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp Đảng viên và công dân - Quy trình điều hành công việc - Quy trình quản lý lịch làm việc - Quy trình tiếp nhận đơn thư - Quy trình xử lý đơn thư - Quy trình tổng hợp, thẩm định lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước - Quy trình phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước - Quy trình thu, nộp Đảng phí

			- Quy trình mua sắm tài sản - Quy trình trang cấp tài sản - Quy trình Nghiên cứu, tham mưu về lĩnh vực nội chính, PCTN, LPTC và CCTP - Quy trình Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất về lĩnh vực KT-XH
2	Dữ liệu Cán bộ, Đảng viên	- Quy trình quản lý Đảng viên - Quy trình quản lý CBCCVC	- Quy trình xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng - Quy trình quản lý thẻ Đảng - Quy trình chuyển sinh hoạt Đảng - Quy trình thi đua, khen thưởng tổ chức Đảng, Đảng viên - Quy trình xét tặng huy hiệu Đảng - Quy trình quản lý phiếu báo - Quy trình quản lý hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ - Quy trình thẩm định tiêu chuẩn chính trị - Quy trình thẩm tra, xác minh - Quy trình quản lý hồ sơ sức khỏe cán bộ - Quy trình triển khai nhiệm vụ khoa học Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, thực hiện - Quy trình giải quyết tố cáo - Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức Đảng, Đảng viên - Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng - Quy trình tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp Đảng viên và công dân - Quy trình đăng ký đi công tác - Quy trình quản lý lịch làm việc - Quy trình quản lý điều xe ô tô - Quy trình thu, nộp Đảng phí - Quy trình Nghiên cứu, tham mưu về lĩnh vực nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực và cải cách tư pháp - Quy trình Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất về lĩnh vực KT-XH
3	Dữ liệu thẻ Đảng viên	- Quy trình quản lý thẻ Đảng	- Quy trình quản lý Đảng viên - Quy trình chuyển sinh hoạt Đảng - Quy trình xét tặng huy hiệu Đảng

4	Dữ liệu khen thưởng	- Quy trình thi đua, khen thưởng tổ chức Đảng, Đảng viên	- Quy trình quản lý CBCCVC - Quy trình quản lý Đảng viên - Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức Đảng, Đảng viên (để tham khảo)
5	Dữ liệu kỷ luật	- Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức Đảng, Đảng viên vi phạm - Quy trình thi hành kỷ luật Đảng	- Quy trình quản lý CBCCVC - Quy trình quản lý Đảng viên - Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng
6	Dữ liệu sinh hoạt Đảng	- Quy trình chuyển sinh hoạt Đảng	- Quy trình quản lý Đảng viên - Quy trình thu, nộp Đảng phí
7	Dữ liệu tổ chức bộ máy biên chế	- Quy trình sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn của hệ thống chính trị - Quy trình quản lý CBCCVC	- Quy trình quản lý tổ chức Đảng - Quy trình tổng hợp, thẩm định lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
8	Dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ	- Quy trình quản lý hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ - Quy trình thẩm tra, xác minh	- Quy trình quản lý CBCCVC - Quy trình thẩm định tiêu chuẩn chính trị - Quy trình khai thác, truy xuất thông tin, tài liệu bảo vệ chính trị nội bộ
9	Dữ liệu Sức khỏe cán bộ	- Quy trình quản lý hồ sơ sức khỏe cán bộ	- Quy trình quản lý CBCCVC
10	Dữ liệu nghiên cứu khoa học	- Quy trình triển khai nhiệm vụ khoa học Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, thực hiện	- Quy trình quản lý CBCCVC (để đánh giá năng lực)
11	Dữ liệu Đào tạo bồi dưỡng	- Quy trình xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng	- Quy trình quản lý CBCCVC (để cập nhật hồ sơ)
II	**Dữ liệu lĩnh vực Văn phòng**		

12	Dữ liệu văn bản điều hành tác nghiệp	- Quy trình xử lý văn bản đến - Quy trình xử lý văn bản đi	- Quy trình điều hành công việc - Quy trình theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - Quy trình quản lý hồ sơ công việc - Quy trình lấy ý kiến bằng văn bản
13	Dữ liệu lịch làm việc, lịch công tác, lịch họp	- Quy trình quản lý lịch làm việc - Quy trình chuẩn bị cuộc họp	- Quy trình đăng ký đi công tác - Quy trình điều hành cuộc họp - Quy trình quản lý điều xe ô tô
14	Dữ liệu phiếu trình	- Quy trình xử lý văn bản đi - Quy trình xử lý các đề án, báo cáo, văn bản trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	- Quy trình điều hành công việc
15	Dữ liệu thông tin đợt công tác	- Quy trình đăng ký đi công tác	- Quy trình cấp giấy đi đường - Quy trình quản lý kinh phí đoàn ra
16	Dữ liệu đoàn công tác	- Quy trình đăng ký đi công tác	- Quy trình cấp giấy đi đường - Quy trình quản lý kinh phí đoàn ra
17	Dữ liệu văn bản chỉ đạo của Trung ương	- Quy trình xử lý văn bản đi (cấp Trung ương)	- Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện đề án
18	Dữ liệu nhiệm vụ/ công việc	- Quy trình điều hành công việc	- Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ
19	Dữ liệu chỉ tiêu (KPI)	- (Được định nghĩa trong các hệ thống báo cáo, không phải quy trình nghiệp vụ tạo giao dịch)	- Báo cáo ngày, tuần, tháng, quý - Báo cáo chuyên đề - Quy trình tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp
20	Dữ liệu chữ ký số	- (Được cấp phát bởi Ban Cơ yếu Chính phủ, không thuộc quy trình nghiệp vụ trong danh sách)	- Quy trình xử lý văn bản đi - Quy trình lấy ý kiến bằng văn bản

21	Dữ liệu tài sản	- Quy trình mua sắm tài sản - Quy trình trang cấp tài sản	- Quy trình nâng cấp, sửa chữa tài sản - Quy trình thu hồi tài sản - Quy trình điều chuyển tài sản - Quy trình kiểm kê tài sản - Quy trình thanh lý tài sản - Quy trình tổng hợp báo cáo tài sản - Quy trình kiểm tra việc thực hiện chủ trương, nguyên tắc tài chính, tài sản...
22	Dữ liệu dự án đầu tư	- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng	- Quy trình thực hiện dự án - Quy trình lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công - Quy trình tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư
23	Dữ liệu doanh nghiệp/Tập đoàn kinh tế...	- Quy trình thẩm định, phê duyệt sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trực thuộc VPTW	- Quy trình tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp - Quy trình thẩm định báo cáo giám sát tài chính - Quy trình xếp hạng các doanh nghiệp
24	Dữ liệu ngân sách	- Quy trình tổng hợp, thẩm định lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước	- Quy trình phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước - Quy trình điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước - Quy trình theo dõi điều hành dự toán ngân sách nhà nước - Quy trình xét duyệt, thẩm định & tổng hợp quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm
25	Dữ liệu hành chính sự nghiệp - theo dõi điều hành dự toán	- Quy trình thanh toán - Quy trình cấp phát kinh phí bằng hình thức lệnh chi tiền	- Quy trình theo dõi điều hành dự toán ngân sách nhà nước - Quy trình xét duyệt, thẩm định & tổng hợp quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm
26	Dữ liệu Đảng phí	- Quy trình thu, nộp Đảng phí	- Quy trình lập dự toán thu chi Đảng phí - Quy trình quyết toán thu chi Đảng phí
27	Dữ liệu Kiểm tra TC TS	- Quy trình kiểm tra việc thực hiện chủ trương, nguyên tắc tài chính, tài sản...	- Quy trình tổng hợp báo cáo tài sản - (Sử dụng trong các quy trình của Ủy ban Kiểm tra)
28	Dữ liệu chương trình làm việc năm	- Xây dựng chương trình làm việc của Lãnh đạo Đảng	- Rà soát điều chỉnh chương trình làm việc - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện đề án

29	Dữ liệu đơn thư khiếu nại tố cáo	- Quy trình tiếp nhận đơn thư	- Quy trình xử lý đơn thư - Quy trình giải quyết tố cáo - Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng
30	Dữ liệu cam kết/thỏa thuận hợp tác	- (Không có quy trình tạo lập rõ ràng trong danh sách, thường phát sinh từ hoạt động đối ngoại)	- (Sử dụng trong các báo cáo thông tin đối ngoại, báo cáo chuyên đề)
31	Dữ liệu thư viện tài liệu số	- Quy trình quản lý và khai thác tài liệu thư viện số	- (Sử dụng bởi tất cả các quy trình có nhu cầu tra cứu, tham khảo tài liệu)
32	Dữ liệu thư viện tài liệu giấy	- Quy trình quản lý và khai thác tài liệu thư viện giấy	- (Sử dụng bởi tất cả các quy trình có nhu cầu tra cứu, tham khảo tài liệu)
33	Dữ liệu hồ sơ lưu trữ	- Quy trình quản lý hồ sơ công việc	- Quy trình khai thác hồ sơ, tài liệu lưu trữ
34	Dữ liệu tài liệu lưu trữ	- Quy trình giao nộp và tiếp nhận tài liệu vào Lưu trữ hiện hành/lịch sử/bảo hiểm	- Quy trình khai thác hồ sơ, tài liệu lưu trữ - Quy trình Tổ chức xét hủy tài liệu
35	Dữ liệu tài khoản	- (Được tạo bởi quản trị hệ thống, không phải quy trình nghiệp vụ)	- (Sử dụng bởi tất cả các quy trình khi người dùng đăng nhập và thực hiện tác nghiệp)
36	Dữ liệu nhóm người dùng	- (Được tạo bởi quản trị hệ thống)	- (Sử dụng để phân quyền cho các quy trình)
37	Dữ liệu vai trò	- (Được tạo bởi quản trị hệ thống)	- (Sử dụng để định nghĩa quyền hạn trong các quy trình)
38	Dữ liệu ứng dụng	- (Được tạo bởi quản trị hệ thống)	- (Sử dụng để liên kết quy trình với công cụ thực hiện)
III	**Dữ liệu lĩnh vực Tuyên giáo và Dân vận**		
39	Dữ liệu lịch sử ngành tuyên giáo và dân vận	- Sơ kết, tổng kết (lĩnh vực Tuyên giáo và Dân vận)	- Nghiên cứu, tham mưu - Hỗ trợ công tác báo cáo, tuyên truyền

40	Dữ liệu các CQ báo chí	- Nghiên cứu, tham mưu	- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ - Kiểm tra, giám sát - Hỗ trợ công tác báo cáo, tuyên truyền
41	Dữ liệu tuyên giáo và dân vận ở địa phương	- Tổ chức, quán triệt - Quy trình hỗ trợ công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng	- Nghiên cứu, tham mưu - Sơ kết, tổng kết
42	Dữ liệu đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên	- Quy trình hỗ trợ công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng	- Tổ chức, quán triệt
43	Dữ liệu chiến dịch đấu tranh trên không gian mạng	- Quy trình hỗ trợ công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng	- Nghiên cứu, tham mưu - Sơ kết, tổng kết
44	Dữ liệu quản lý kênh truyền thông	- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác tuyên giáo và dân vận	- Hỗ trợ công tác báo cáo, tuyên truyền
45	Dữ liệu điều tra dư luận xã hội	- Điều tra dư luận xã hội	- Nghiên cứu, tham mưu - Sơ kết, tổng kết
IV	**Dữ liệu lĩnh vực Nội chính**		
46	Dữ liệu hoạt động của các cơ quan nội chính	- (Là dữ liệu chủ về tổ chức, được tạo bởi Quy trình quản lý tổ chức Đảng)	- Quy trình Nghiên cứu, tham mưu về lĩnh vực nội chính, PCTN, LPTC và CCTP - Quy trình Công tác theo dõi địa bàn
47	Dữ liệu về các vụ án	- (Phát sinh từ các cơ quan điều tra, không có quy trình tạo lập trong danh sách)	- Quy trình Nghiên cứu, tham mưu về lĩnh vực nội chính, PCTN, LPTC và CCTP - Quy trình Chuẩn bị nội dung, tài liệu, phục vụ các phiên họp Ban Chỉ đạo...
48	Dữ liệu về các vụ việc	- (Phát sinh từ đơn thư hoặc hoạt động nghiệp vụ)	- Quy trình Nghiên cứu, tham mưu về lĩnh vực nội chính, PCTN, LPTC và CCTP - Quy trình Tổng hợp, xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất...

V	**Dữ liệu lĩnh vực Chính sách, chiến lược (KT-XH)**		
49	Dữ liệu công tác (nghiên cứu, tham mưu, đề xuất...)	- Quy trình Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất về lĩnh vực KT-XH - Quy trình Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về lĩnh vực KT-XH - Quy trình Giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về lĩnh vực KT-XH	- Quy trình Thẩm định và tham gia ý kiến về lĩnh vực KT-XH - Quy trình Sơ kết, tổng kết về lĩnh vực KT-XH
VI	**Dữ liệu lĩnh vực Kiểm tra, Giám sát, Kỷ luật Đảng**		
50	Dữ liệu quản lý hồ sơ KTGS	- Quy trình kiểm tra - Quy trình giám sát chuyên đề - Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	- Quy trình giải quyết tố cáo - Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức Đảng, Đảng viên - Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng
51	Dữ liệu Quyết định thi hành kỷ luật	- Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức Đảng, Đảng viên vi phạm - Quy trình thi hành kỷ luật Đảng	- Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng
52	Dữ liệu kê khai tài sản, thu nhập	- (Không có quy trình tạo lập, đây là hoạt động tuân thủ của cán bộ)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm - Quy trình kiểm tra tài chính Đảng
53	Dữ liệu người kê khai	- (Là vai trò của Dữ liệu Cán bộ, Đảng viên, được tạo bởi quy trình quản lý CBCCVC)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm

54	Dữ liệu tài sản đất	- (Là một phần của bản kê khai, không có quy trình tạo lập riêng)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
55	Dữ liệu nhà ở, công trình	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
56	Dữ liệu tài sản khác gắn liền với đất	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
57	Dữ liệu vàng, kim cương...	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
58	Dữ liệu tài sản tiền	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
59	Dữ liệu tài sản chứng khoán	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
60	Dữ liệu tài sản khác	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
61	Dữ liệu tài sản ở nước ngoài	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
62	Dữ liệu tổng thu nhập giữa hai lần kê khai	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
63	Dữ liệu biến động tài sản, thu nhập	- (Là một phần của bản kê khai)	- Quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
VII	**Dữ liệu Công tác Xuất bản**		
64	Dữ liệu tác phẩm	- Quy trình xuất bản tin, bài - Quy trình sản xuất, xuất bản, phát sóng chương trình	- Quy trình tính toán thù lao, nhuận bút - Quy trình cập nhật văn bản, tài liệu, ấn phẩm
65	Dữ liệu tác giả	- (Là vai trò của Dữ liệu Cán bộ, Đảng viên hoặc cộng tác viên bên ngoài)	- Quy trình tính toán thù lao, nhuận bút

66	Dữ liệu tin tức, bài viết	- Quy trình xuất bản tin, bài	- Quy trình xử lý ý kiến bình luận - Quy trình hậu kiểm thông tin tích hợp
67	Dữ liệu video	- Quy trình sản xuất, xuất bản, phát sóng chương trình - Quy trình truyền hình trực tiếp	- Quy trình hậu kiểm thông tin tích hợp
68	Dữ liệu hình ảnh	- Quy trình xuất bản tin, bài	- Quy trình hậu kiểm thông tin tích hợp
69	Dữ liệu audio	- Quy trình sản xuất, xuất bản, phát sóng chương trình	- Quy trình hậu kiểm thông tin tích hợp
70	Dữ liệu phiên giao lưu trực tuyến	- Quy trình quản lý đối thoại trực tuyến	- Quy trình trả lời câu hỏi bạn đọc chuyên mục Hỏi đáp
71	Dữ liệu hỏi đáp	- Quy trình trả lời câu hỏi bạn đọc chuyên mục Hỏi đáp	- (Được sử dụng để tạo các chuyên mục hỏi đáp thường gặp)
72	Dữ liệu nhuận bút	- Quy trình tính toán thù lao, nhuận bút	- (Là đầu vào cho các quy trình thanh quyết toán tài chính)

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC DỮ LIỆU DÙNG CHUNG

I. DỮ LIỆU CHỦ DÙNG CHUNG TẠI CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

STT	Cơ quan chủ quản	Loại dữ liệu chủ	Thông tin cơ bản mô tả đối tượng	ID quản lý duy nhất cho đối tượng
1	Ban Tổ chức trung ương	Cán bộ, Đảng viên	- Nhóm thông tin đồng bộ từ CSDL quốc gia về Dân cư: 1. Số định danh cá nhân; 2. Họ, chữ đệm và tên khai sinh; 3. Ngày, tháng, năm sinh; 4. Giới tính; 5. Quê quán; 6. Dân tộc; - Nhóm thông tin riêng để quản lý cán bộ, Đảng viên: 7. Số thẻ Đảng viên; 8. Số lý lịch; 9. Ngày vào Đảng; 10. Ngày vào Đảng chính thức; 11. Ngày miễn sinh hoạt Đảng; 12. Trạng thái hoạt động. 13. Ngày tuyển dụng (CBCCVC) 14. Cơ quan tuyển dụng (CBCCVC)	Số định danh cá nhân
2	Ban Tổ chức trung ương	Tổ chức Đảng	1. Mã tổ chức đảng; 2. Tên tổ chức đảng; 3. Ngày thành lập; 4. Ngày kết thúc hoạt động; 5. Trạng thái hoạt động.	Mã tổ chức đảng

3	Ban Tổ chức trung ương	Tổ chức bộ máy biên chế/ Cơ quan Đảng	1. Mã cơ quan/đơn vị; 2. Tên cơ quan; 3. Tên cơ quan cấp trên; 4. Ngày hiệu lực; 5. Địa chỉ; 6. Điện thoại.	Mã cơ quan/đơn vị

II. DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG TẠI CƠ QUAN ĐẢNG

STT	Danh mục	Mô tả	Cơ quan chủ quản
1	Danh mục hình thức đào tạo	Danh mục này dùng để phân loại và quản lý các hình thức đào tạo áp dụng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên của các cơ quan Đảng.	Ban Tổ chức Trung ương
2	Danh mục hệ đào tạo	Danh mục này dùng để phân loại và quản lý các hệ đào tạo áp dụng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên của các cơ quan Đảng.	Ban Tổ chức Trung ương
3	Danh mục cấp khen thưởng, kỷ luật	Danh mục này dùng để xác định, phân loại cấp ra quyết định hoặc cấp được xét, đề nghị khen thưởng – kỷ luật trong hệ thống tổ chức Đảng	Ban Tổ chức Trung ương
4	Danh mục loại khen thưởng	Danh mục này dùng để phân loại các hình thức khen thưởng được áp dụng trong hệ thống cơ quan Đảng và các đoàn thể trực thuộc.	Ban Tổ chức Trung ương
5	Danh mục loại hình đơn vị, cơ quan, các tổ chức chính trị xã hội	Danh mục này dùng để phân loại, quản lý thông tin về mã, tên, các cấp cơ quan trong tổ chức chính trị	Ban Tổ chức Trung ương
6	Danh mục hệ đào tạo	Danh mục này phục vụ chuẩn hóa hệ thống thông tin về các hệ đào tạo trong cơ sở dữ liệu cán bộ – đào tạo của cơ quan Đảng.	Ban Tổ chức Trung ương
7	Danh mục các tổ chức Đảng	Quản lý cơ cấu tổ chức các cấp ủy, chi bộ, đảng bộ, ban đảng, văn phòng.	Ban Tổ chức Trung ương
8	Danh mục cơ sở thờ tự tôn giáo	Quản lý danh mục các cấp, cơ quan hoặc tổ chức có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo trong hệ thống	Ban Tuyên giáo và Dân vận

9	Danh mục các loại cuộc họp	Quản lý phân loại các loại cuộc họp (họp giao ban, họp chi bộ, họp chuyên đề, hội nghị toàn thể...), giúp phân tích, thống kê tần suất hoạt động, báo cáo công tác lãnh đạo, chỉ đạo.	Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu (Văn phòng Trung ương Đảng)
10	Danh mục nhóm tài liệu	Danh mục được sử dụng để phân loại các nhóm tài liệu liên quan các cuộc họp trực tuyến của các cơ quan Đảng.	Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu (Văn phòng Trung ương Đảng)
11	Danh mục độ mật	Phân loại mức độ bí mật nhà nước được quy định trong pháp luật Việt Nam, dùng để xác định mức độ quan trọng và phạm vi bảo vệ của thông tin, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.	Cục Lưu trữ (Văn phòng Trung ương Đảng)
12	Danh mục thể loại văn bản	Phân loại và quản lý nhóm biểu mẫu phục vụ công tác Đảng: biểu mẫu báo cáo, mẫu quyết định, mẫu thông báo, phiếu trình, biên bản… Danh mục giúp cơ quan chuẩn hóa hình thức, nội dung văn bản nghiệp vụ theo quy định của Đảng	Cục Lưu trữ (Văn phòng Trung ương Đảng)
13	Danh mục phòng họp	Quản lý thông tin phòng họp trong cơ quan Đảng, hỗ trợ đặt lịch, điều phối và quản lý cuộc họp nội bộ.	Cục Quản trị (Văn phòng Trung ương Đảng)
14	Danh mục thông tin tòa nhà	Danh mục này được sử dụng trong phân hệ quản lý cơ sở vật chất của cơ quan Đảng, phục vụ quản lý các tòa nhà trụ sở, khu làm việc	Cục Quản trị (Văn phòng Trung ương Đảng)
15	Danh mục tầng	Danh mục này quản lý các tầng thuộc mỗi tòa nhà trong hệ thống cơ sở vật chất của cơ quan Đảng.	Cục Quản trị (Văn phòng Trung ương Đảng)
16	Danh mục loại đơn	Quản lý các loại đơn thư, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo; giúp hệ thống tự động xác định quy trình xử lý phù hợp với từng loại, đúng quy định của Đảng và Nhà nước.	Ủy ban Kiểm tra Trung ương
17	Danh mục trạng thái đơn	Quản lý toàn bộ vòng đời xử lý đơn (tiếp nhận – phân loại – xử lý – giải quyết – kết thúc).	Ủy ban Kiểm tra Trung ương
18	Danh mục trạng thái xử lý	Quản lý các điều kiện, tiêu chí nghiệp vụ xác định tính hợp lệ và trạng thái xử lý hồ sơ khiếu nại, tố cáo	Ủy ban Kiểm tra Trung ương
19	Danh mục loại khiếu nại tố cáo	Phân loại vụ việc theo nội dung, đối tượng, tính chất (khiếu nại về đất đai, kỷ luật Đảng, hành chính...), giúp thống kê, báo cáo, đánh giá tình hình và định hướng công tác kiểm tra, giám sát.	Ủy ban Kiểm tra Trung ương

20	Danh mục loại đối tượng gửi đơn	Xác định nhóm người gửi: cá nhân, tổ chức, đảng viên, cán bộ, tập thể, nhằm phân tích cơ cấu nguồn đơn thư	Ủy ban Kiểm tra Trung ương
21	Danh mục hướng giải quyết	Quản lý các hướng xử lý vụ việc: thụ lý, chuyển cơ quan khác, không thụ lý, tạm dừng, kết thúc... giúp hệ thống tự động sinh báo cáo và theo dõi kết quả theo quy trình chuẩn.	Ủy ban Kiểm tra Trung ương
22	Danh mục thẩm quyền giải quyết	Quản lý danh mục các cấp, cơ quan hoặc tổ chức có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo trong hệ thống	Ủy ban Kiểm tra Trung ương
23	Danh mục lĩnh vực	Quản lý các lĩnh vực hoạt động, công tác Đảng, công tác chính quyền hoặc đoàn thể (ví dụ: tổ chức, kiểm tra, dân vận, nội chính, tuyên giáo...). Giúp hệ thống xác định phạm vi chuyên môn khi xử lý hồ sơ, văn bản, hoặc thống kê số liệu theo từng lĩnh vực công tác.	Vụ Tham mưu tổng hợp (Văn phòng Trung ương Đảng)
24	Danh mục tài liệu	Lưu trữ, phân loại các tài liệu chuẩn, quy định, quy chế, hướng dẫn nghiệp vụ do các ban, đơn vị trong Đảng ban hành. Danh mục này giúp cung cấp nguồn tham chiếu chính thống khi xử lý công việc và đảm bảo tính thống nhất về quy định	Vụ Tham mưu tổng hợp (Văn phòng Trung ương Đảng)
25	Danh mục đơn vị	Quản lý các đơn vị trong hệ thống tổ chức Đảng: Trung ương, Tỉnh ủy, các ban đảng, văn phòng, đơn vị trực thuộc	Vụ Tổ chức - Hành chính (Văn phòng Trung ương Đảng)
26	Danh mục hình thức tiếp nhận	Dùng trong công tác tiếp nhận đơn, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại tố cáo, để xác định cách thức tiếp nhận: trực tiếp, qua bưu điện, qua mạng nội bộ, qua hệ thống điện tử. Giúp phân loại và thống kê hiệu quả công tác tiếp nhận.	Vụ Tổ chức - Hành chính (Văn phòng Trung ương Đảng)

III. DỮ LIỆU DANH MỤC ĐỒNG BỘ VỚI DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG QUỐC GIA

STT	Danh mục	Nguồn	Ghi chú
1	Danh mục loại công chức, viên chức, nhân viên, lãnh đạo	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
2	Danh mục mã thi đua khen thưởng	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
3	Danh mục mã loại văn bản theo quy định pháp luật	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
4	Danh mục mã quy định độ khẩn văn bản	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
5	Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 1 (Cấp tỉnh)	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
6	Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 3 (Cấp phường, xã)	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
7	Danh mục và mã các tôn giáo	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
8	Danh mục và mã chức danh trong các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
9	Danh mục và mã ý nghĩa nhóm máu	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
10	Danh mục và mã giới tính	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
11	Danh mục và mã Quốc gia, quốc tịch	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
12	Danh mục và mã Tình trạng hôn nhân	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
13	Danh mục nhóm lương	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
14	Danh mục và mã các hệ số lương	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
15	Danh mục và mã mức lương tối thiểu vùng	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
16	Danh mục mã học hàm, học vị	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
17	Danh mục mã trình độ ngoại ngữ	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
18	Danh mục mã kỹ năng công nghệ thông tin	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
19	Danh mục mã ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	

20	Danh mục mã trình độ lý luận chính trị	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
21	Danh mục mã hình thức kỷ luật	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
22	Danh mục mã chức vụ trong các cơ quan nhà nước	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	
23	Danh mục và mã các dân tộc	https://dmdc.ngsp.gov.vn/	

PHỤ LỤC 4

BẢNG CHÚ GIẢI TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Việt	Tiếng Anh
ATTT	An toàn thông tin	Information Security
API	Giao diện lập trình ứng dụng	Application Programming Interface
CĐS	Chuyển đổi số	Digital Transformation
CNTT	Công nghệ thông tin	Information Technology
CSDL	Cơ sở dữ liệu	Database
CSDLQG	Cơ sở dữ liệu quốc gia	National Database
DLP	Phòng chống thất thoát dữ liệu	Data Loss Prevention
DMBOK	Bộ kiến thức về Quản lý dữ liệu	Data Management Body of Knowledge
DRM	Mô hình tham chiếu dữ liệu	Data Reference Model
EDR	Giám sát và phản hồi tại điểm cuối	Endpoint Detection and Response
ESB	Trục tích hợp dịch vụ doanh nghiệp	Enterprise Service Bus
GDPR	Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (Châu Âu)	General Data Protection Regulation
HTTT	Hệ thống thông tin	Information System
IAM	Quản lý định danh và truy cập	Identity and Access Management
ISO	Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế	International Organization for Standardization
KPI	Chỉ số hiệu suất chính	Key Performance Indicator
LGSP	Nền tảng Tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ/Tỉnh	Local Government Service Platform
MDM	Quản lý dữ liệu chủ	Master Data Management
MFA	Xác thực đa yếu tố	Multi-Factor Authentication
NDOP	Nền tảng Chia sẻ, điều phối dữ liệu Quốc gia	National Data Operation Platform
NDXP	Nền tảng Tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia	National Data Exchange Platform
RBAC	Phân quyền dựa trên vai trò	Role-Based Access Control
RDM	Quản lý dữ liệu tham chiếu	Reference Data Management

SDLC	Vòng đời phát triển phần mềm	Software Development Lifecycle
SIEM	Hệ thống Quản lý thông tin và sự kiện an ninh	Security Information and Event Management
SLA	Thỏa thuận mức độ dịch vụ	Service Level Agreement
SOAR	Điều phối, tự động hóa và phản ứng an toàn thông tin	Security Orchestration, Automation, and Response
SOC	Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng	Security Operations Center
SOA	Kiến trúc hướng dịch vụ	Service-Oriented Architecture
SSO	Đăng nhập một lần	Single Sign-On
TSLCD	Mạng Truyền số liệu chuyên dùng	Specialized Data Transmission Network
TTDLQG	Trung tâm Dữ liệu quốc gia	National Data Center
VPTWĐ	Văn phòng Trung ương Đảng	
WAF	Tường lửa ứng dụng Web	Web Application Firewall